**TRẮC NGHIỆM LẬP TRÌNH PHP VÀ MYSQL**

**1** **Đâu là tag kết thúc của đoạn PHP?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: ?>.

**Vì**: “<? “ và “?>" là 2 thẻ (tag) để báo cho server biết điểm bắt đầu và kết thúc của một đoạn code PHP.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”; Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**2** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456899_SE401-01004.20120202_TNU)

**Ai là người đầu tiên phát minh ra apache?**

**Sai. Đáp án đúng là**: Rob McCool.

**Vì**: Apache là tên của một nhóm đang phát triển phần mềm. Rob McCool phát triển Apache trong khi đang làm việc tại trường đại học của Illinois tại NCSA vào năm 1994.

**Tham khảo**: Giáo trình “Beginning PHP Apache MySQL Web Development”; “Chapter 1” mục “Configuring Your Installation”

Câu**3** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456898_SE401-01001.20120202_TNU)

**Tại thời điểm hiện tại, khi sử dụng bộ PHP bạn phải trả?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: Hoàn toàn miễn phí.

**Vì**: PHP là hai phần mềm hoàn toàn miễn phí nên khi sử dụng không tốn đồng nào

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu PHP”

Câu**4** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456900_SE401-01008.20120202_TNU)

**Apache được dùng với vai trò nào sau đây?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: webserver.

**Vì**: Apache là một kiểu mẫu web server rất phổ biến nguồn mở nên có thể thực hiện viết chương trình mở rộng tính năng của apache.

**Tham khảo**: Giáo trình “Beginning PHP Apache MySQL Web Development”; “Chapter 1” mục “Configuring Your Installation”

Câu**5** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456912_SE401-01088.20120202_TNU)

**Phát biểu nào sau đây về XAMPP là SAI?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: Là mã tổng hợp gồm apache, php, mysql và một số thứ khác vào chung một gói, dùng để cài đặt và chạy trên máy.

**Vì**: XAMM không phải là mã tổng hợp mà là một phần mềm hay gói phần mềm tổng hợp tích hợp nhiều thành phần cần thiết để tạo máy chủ trên máy tính cá nhân.

**Tham khảo**: Giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải” , Phần 1, mục “Lập trình web động với PHP&MySQL”

Câu**6** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456909_SE401-01056.20120202_TNU)

**Phát biểu nào sau đây về apache là sai?**

**Sai. Đáp án đúng là**: Là một WEB browser miễn phí được phát triển theo chuẩn mã nguồn mở.

**Vì**: Là một WEB Server miễn phí được phát triển theo chuẩn mã nguồn mở. Apache là một kiểu mẫu web server rất phổ biến nguồn mở nên có thể thực hiện viết chương trình mở rộng tính năng của apache. Apache có tính ổn định và tốc độ cao.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”; Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**7** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456901_SE401-01010.20120202_TNU)

**Đâu KHÔNG phải là giao thức mạng?**

**Sai. Đáp án đúng là**: HTML.

**Vì**: Các giao thức mạng là TCP/IP, HTTP, FTP. Còn HTML là ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản.

**Tham khảo**: Giáo trình “Lập trình mạng” , mục “Chương 1 – Mở đầu”

Câu**8** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456902_SE401-01012.20120202_TNU)

**Đâu là web server trong cấu trúc web?**

**Sai. Đáp án đúng là**: IIS.

**Vì**: Có nhiều loại web server khác nhau, nhưng trên thị trường chủ yếu dùng các web server chuyên dụng: Apache: mã nguồn mở và Internet Information Services (IIS) của Microsoft

**Tham khảo**: Giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải” , Phần 1, mục “Lập trình web động với PHP&MySQL”

Câu**9** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456910_SE401-01082.20120202_TNU)

**Các trang PHP khi có yêu cầu từ phía browser thì thực hiện các bước để tạo trang HTML qua các bước công việc nào sau đây?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: Đọc yêu cầu từ browser

Tìm trang web trên server

Thực hiện đoạn mã trên web đó

Gửi trang web cho browser nếu tìm thấy.

**Vì**: Các trang PHP khi có yêu cầu từ phía browser thì nó thực hiện các bước để tạo trang HTML qua các bước công việc sau đây:

-     Đọc yêu cầu từ browser

-     Tìm trang web trên server

-     Thực hiện đoạn mã trên web đó

-     Gửi trang web cho browser nếu tìm thấy

**Tham khảo**: Giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải” , Phần 1, mục “Lập trình web động với PHP&MySQL”

Câu**10** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456907_SE401-01049.20120202_TNU)

**PHP và Apache Server phát triển theo dạng Module, vậy nó có thể?**

**Sai. Đáp án đúng là**: Có thể nới rộng thêm qua các phát triển của các phương thức phụ khác.

**Vì**: PHP và Apache Server phát triển theo dạng Module, vậy nó có thể nới rộng thêm qua các phát triển của các phương thức phụ khác ( add-on function)

**Tham khảo**: Giáo trình “Beginning PHP Apache MySQL Web Development”; “Chapter 1” mục “Configuring Your Installation”

**2** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456904_SE401-01016.20120202_TNU)

**Web động sử dụng công nghệ nào sao đây?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: PHP.

**Vì**: Web động:có khả năng tương tác với cơ sở dữ liệu đặt trên Server: Khó phát triển hơn, Tương tác mạnh

Sử dụng nhiều ngôn ngữ khác nhau, Thường phải viết nhiều mã lệnh

Sử dụng công nghệ ASP,JSP và  PHP,…

**Tham khảo**: Giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải” , Phần 1, mục “Lập trình web động với PHP&MySQL”

**6**

**Trình dịch PHP nào là trình dịch bạn cho là đúng?**

**Sai. Đáp án đúng là**: PHP Interpreter.

**Vì**: PHP là ngôn ngữ thong dịch cho nên trình dịch của nó là PHP Interpreter.

**Tham khảo**: Giáo trình “Beginning PHP Apache MySQL Web Development”; “Chapter 1” mục “Configuring Your Installation”

**6** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456903_SE401-01013.20120202_TNU)

**Đâu là database server trong cấu trúc web?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: MySQL.

**Vì**: MySQL là hệ quản trị cơ sở dữ liệu dùng phù hợp với ngôn ngữ PHP để lập trình cho các ứng dụng internet

**Tham khảo**: Giáo trình “PHP&MySQL, Tống Phước Khải” , Phần 1, mục “Lập trình web động với PHP&MySQL”

**9** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456911_SE401-01085.20150305_TNU)

**Kết quả khi cho chạy đoạn chương trình php sau đây?**

**1.   <?php**

**2.   $arr = array(1, 2, 3, 4);**

**3.   foreach ($arr as &$value)**

**4.   {**

**5.   $value = $value \* 2;**

**6.   }**

**7.   print\_r($arr);**

**8.   ?>**

**Sai. Đáp án đúng là**: Array ( [0] => 2 [1] => 4 [2] => 6 [3] => 8 )

**Vì**: Dấu & ở dòng 3 có nghĩa là truyền tham chiếu, khi vòng lặp tới các phần tử của mảng, thay vì truyền giá trị, thì nó sẽ truyền địa chỉ của biến, do đó việc thay đổi giá trị biến (vùng nhớ) sẽ làm array gốc với các phần tử của nó thay đổi theo

**Tham khảo**: Giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải” , Phần 1, mục “Lập trình web động với PHP&MySQL”

**5** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456905_SE401-01043.20120202_TNU)

**Engine nào là nền tảng chính của PHP?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: ZEND.

**Vì**: Có thể viết chương trình PHP bằng bất cứ hệ soạn thảo văn bản nào. Tuy nhiên, để có được các chức năng hỗ trợ như AutoComplete, Debug... cần phải sử dụng các IDE dành riêng cho PHP:

♦   Macromedia DreamWaver

♦   Nusphere PHPED

♦   Zend Studio

**Tham khảo**: Giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải” , Phần 1, mục “Lập trình web động với PHP&MySQL”

**8** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456906_SE401-01047.20120202_TNU)

**Đâu là lọai PHP Distribution?**

**Sai. Đáp án đúng là**: Source Distribution và Binary Distribution.

**Vì**: Có hai loại PHP Distribution đó là Source Distribution và Binary Distribution

**Tham khảo**: Giáo trình “Beginning PHP Apache MySQL Web Development”; “Chapter 1” mục “Configuring Your Installation”

**1** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456975_SE401-02002.20120202_TNU)

**Đâu là chú thích cho nhiều dòng văn bản trong PHP?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: /\*……\*/

**Vì**: Cấu trúc:Để ghi chú trong PHP có 3 dạng sau:

Dạng 1: # Chú thích:  Dạng này chỉ áp dụng cho ghi chú chỉ nằm trên một dòng văn bản

Dạng 2: Cấu trúc:// Chú thích: Dạng này cũng chỉ áp dụng cho ghi chú chỉ nằm trên một dòng văn bản

Dạng 3:  Cấu trúc /\* đây là một ghi chú dài, Áp dụng cho nhiều hàng \*/:  Dạng này dùng cho nhiều dòng văn bản

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**2** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456978_SE401-02011.20120202_TNU)

**Đoạn mã lệnh PHP sau đây thực hiện điều gì**

**3.   $a = array(5, 3, 7, 6, 8);**

**4.   Print\_l($a);**

**Sai. Đáp án đúng là**: Báo lỗi

**Vì**: PHP không có lệnh Print\_l(<>);.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**3** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456988_SE401-02085.20150306_TNU)

**Đoạn lệnh PHP sau đây thực hiện xuất ra trình duyệt đáp án nào ?**

**1.  <?php**

**2.  $a = 100;**

**3.  $b = 100;**

**4.  $c = "100";**

**5.  if($a === $b){ echo "a bang b. <br/>"; }**

**6.  elseif($a !== $c) {echo "a khac c. <br/>";}**

**7.  ?>**

**Đúng. Đáp án đúng là**: “a bang b.”

**Vì**: Biến a và b bằng nhau nên lệnh if đầu tiên ở dòng 5 sẽ được thực hiện. và dấu “.” Trong lệnh echo này không phải là dấu nối xâu mà là ký tự chấm. Lệnh elseif ở dòng 6 không được thực hiện (xem thêm cấu trúc if-elseif).

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**4** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456979_SE401-02014.20150129_TNU)

**Điều gì xảy ra khi chạy chương trình mà biến trong PHP khai báo mà không khởi gán giá trị ban đầu?**

**Sai. Đáp án đúng là**: Chương trình vẫn chạy

**Vì**: Biến trong chương trình php nếu khai báo mà không khởi tạo giá trị ban đầu thì chương vẫn chạy.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**5** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456987_SE401-02082.20150306_TNU)

**Đoạn lệnh PHP sau đây xuất ra trình duyệt đáp án nào sau đây?**

**1.  $a = 100;**

**2.  $b = 100;**

**3.  $c = 10;**

**4.  if($a === $b) echo "a bằng b .<br/>“;**

**5.  if($a !== $c) echo “a khác c.<br/>”;**

**Đúng. Đáp án đúng là**:

“a bằng b.

  a khác c.”

**Vì**: Hai khối if ở dòng 4 và 5 lần lượt được thực hiện và nó đều thỏa mãn điều kiện trong vòng if nên lần lượt in ra hai chuỗi. Tuy nhiên, cuối lệnh xuất echo có điều khiển xuống dòng cho nên hai chuỗi này ở hai dòng khác nhau.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**6** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456985_SE401-02054.20120202_TNU)

**Cho biết kết quả khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.   <?php**

**2.   $a=3;**

**3.   echo"a=$a";**

**4.   $b=6;**

**5.   echo"b=$b";**

**6.   if ($a > $b){**

**7.   echo "a is bigger than b";**

**8.   $b = $a;**

**9.   echo"b=$b";}**

**10. ?>?**

**Sai. Đáp án đúng là**: a=3b=6

**Vì**: Dòng 2 biến a được gán giá tri là 3, dòng 4 biến b được gán giá trị là 6, hai dòng 3 và 5 xuất giá trị biến a và b ra trình duyệt nên nó sẽ có chuỗi ký tự “a=3b=6”. Tiếp theo dòng 6 kiểm tra xem biến a có lớn hơn b không, ở đây biến a không lớn hơn biến b nên nó sẽ thoát khỏi khối lệnh điều kiện if. Kết thúc đoạn chương trình.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**7** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456983_SE401-02049.20120202_TNU)

**Đoạn mã lệnh PHP sau đây thực hiện điều gì?**

**1.   $a = “Hello world”;**

**2.   $a= “Hello”;**

**3.   print a;**

**Sai. Đáp án đúng là**: Hiển thị ký tự "a".

**Vì**: Dòng 3 thì lệnh print sau đó phải là biến hoặc chuỗi ký tự. Mà a không phải là biến, trong trường hợp này nó hiểu là in chuỗi ra mà hình.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**8** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456976_SE401-02005.20120202_TNU)

**Output nào dưới đây là đúng khi thực hiện gán cho biến $b một giá trị tương đương với biến $a?**

**Sai. Đáp án đúng là**: $b= $a;

**Vì**: Lệnh gán nội dung biến cho biến trong php là:

$tên biến 1 =$tên biến 2;

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**9** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456980_SE401-02041.20120202_TNU)

**Câu lệnh PHP nào KHÔNG tương thích trong văn bản HTML?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: <! echo "Hello Wordl"; !>

**Vì**: Có bốn mẫu để nhúng đoạn chương trình php vào trong html là:

1.   <?php…?>

2.   <?...?>

3.   <script language = ‘php’>…</script>

4.   <%...%>

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**10** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456981_SE401-02043.20120202_TNU)

**Trong PHP thì khi thực thi biến này: $Var3 = $var1 % $var2 dạng dữ liệu của nó là kiểu nào trong các kiểu sau đây?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: integer

**Vì**: Phép toán “%” trong php là phép toán lấy phần dư của phép chia nội dung của biến 1 cho biến 2 và chuyển phần dư thành số nguyên theo phép làm tròn bỏ đi phần thập phân.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

**3** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456977_SE401-02008.20120202_TNU)

**Dữ liệu kiểu boolean trả cho ta giá trị gì?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: true hay false

**Vì**: Kiểu dữ liệu boolean trong php là kiểu dữ liệu logic nên nó chỉ nhận giá trị là true hoặc false

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

**4** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456982_SE401-02046.20120202_TNU)

**Đoạn mã lệnh PHP sau đây thực hiện điều gì**

**1.   $a = array(5, 3, 7, 6, 8);**

**2.   arsort($a);**

**3.   print\_r($a);**

**Sai. Đáp án đúng là**: Hiển thị chuỗi “Array([4] => 8 [2] => 7 [3] => 6 [0] => 5 [1] => 3)”.

**Vì**: Dòng lệnh 1 khai báo mảng có năm phần tử với các giá trị là: 5, 3,7,6,8.

Dòng lệnh 2 sắp xếp các phần tử mảng theo thứ tự từ thấp đến cao.

Dòng 3 xuất ra trình duyệt các giá trị mảng căn từ phần tử bên phải cho nên nó sẽ in ra màn hình tương ứng các phần tử mảng là số chỉ mảng. từ 0 đến 4

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**8** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456984_SE401-02051.20120202_TNU)

**Đoạn mã lệnh PHP sau đây thực hiện điều gì?**

**1.   $a = "Hello ";**

**2.   $a .= "World!";**

**3.   Echo $a;**

**Sai. Đáp án đúng là**: Hiển thị chuỗi “Hello World!”.

**Vì**: Toán tử nối xâu trong PHP là “.” Và “.=”. Dòng 1 gán chuỗi “Hello ” cho biến a. Dòng 2 lấy nội dung biến a và ghép với chuỗi “World!” và gán trở lại cho biến a nên lúc này nội dung biến a là “Hello World!”. Dòng 3 đưa ra màn hình nội dung của biến a.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

**9** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456989_SE401-02088.20120202_TNU)

Điểm : 1

**Kết quả khi cho chạy đoạn chương trình php sau đây?**

**1.  <?php**

**2.  $arr = array("one", "two", "three");**

**3.  reset ($arr);**

**4.  while (list(, $value) = each ($arr))**

**5.  {echo "Value: $value"; }**

**6.  ?>**

**Đúng. Đáp án đúng là**: In ra màn hình:”Value: oneValue: twoValue: three”.

**Vì**: Dòng 2 khai báo một biến arr kiểu mảng có ba phần tử có giá trị lần lượt là “one”, “two” và “three”. Dòng 3 là lệnh reset mảng. Dòng 4 và 5 là lệnh và khối lệnh lặp để xuất ra màn hình các phần tử tương ứng của các phần tử mảng arr trên và trước từng phần tử mảng có thêm chuỗi ký tự “Value: ”

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**9** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456935_SE401-01086.20120202_TNU&attempt_bt30=1085657&attempt=0)

**Kết quả khi cho chạy đoạn chương trình php sau đây?**

**1.   <?php**

**2.   $a = "Biến toàn cục 1!";**

**3.   $b = "Biến toàn cục 2";**

**4.   Foo();**

**5.   Bar();**

**6.   function Foo() {**

**7.   if (isset($b)) echo $b;**

**8.   }**

**9.   function Bar() {**

**10. global $a;**

**11. if (isset($a)) echo $a;**

**12. }**

**13. ?>**

**Đúng. Đáp án đúng là**: In ra: Biến toàn cục 1!

**Vì**: Dòng 2 và 3 khai báo hai biến  toàn cục a và b. Hàm Foo có dùng biến có tên giống biến toàn cục b nhưng nó gọi biến  cục bộ chứ không phải biến  toàn cục nên câu lệnh kiểm tra if ở dòng 6 trả về kết quả là false, do vậy nó không thực hiện khối lệnh if của dòng 6. Hàm Bar  có sử dụng biến a nhưng đó là biến toàn cục do ở  dòng 9 có khai báo global. Bởi vậy, điều kiện kiểm tra if ở dòng 10 trả về kết quả true nên nó thực hiện lệnh in ra màn hình nội dung biến a ngay sau lệnh if ở dòng 10.

**Tham khảo**: Giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải” , Phần 1, mục “Lập trình web động với PHP&MySQL”

Câu**10** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456933_SE401-01048.20120202_TNU&attempt_bt30=1085657&attempt=0)

**Apache Webserver xuất phát từ?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: a patchy Webserver.

**Vì**: Apache là tên của một nhóm đang phát triển phần mềm. Rob McCool phát triển Apache trong khi đang làm việc tại trường đại học của Illinois tại NCSA vào năm 1994.Một vài webmaster trên thế giới đã tạo ra phần mở rộng riêng cho máy chủ sao cho họ có thể điều khiển các thay đổi của mình cho hệ thống (được biết đến với cái tên ‘patches' có nghĩa là các 'miếng vá'). Hệ thống này bao gồm một hệ thống nhân gốc với rất nhiều mảnh (patches) do đó nó được biết đến với tên gọi là ‘a patchy webserver' hay gọi đơn giản là ‘apache'. Apache hiện nay có thể download miễn phí trên internet.

**Tham khảo**: Giáo trình “Beginning PHP Apache MySQL Web Development”; “Chapter 1” mục “Configuring Your Installation”

Câu**11** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456986_SE401-02055.20120202_TNU&attempt_bt30=1085657&attempt=0)

**Cho biết kết quả khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.   <?php**

**2.   $a=3;**

**3.   echo"a=$a";**

**4.   $b=6;**

**5.   echo"b=$b";**

**6.   if ($a > $b){**

**7.   echo "a is bigger than b";**

**8.   $b = $a;**

**9.   }**

**10. echo"b=$b";**

**11. ?>**

**Đúng. Đáp án đúng là**: a=3b=6b=6

**Vì**: Dòng 2 biến a được gán giá trị là 3, dòng 4 biến b được gán giá trị là 6, hai dòng 3 và 5 xuất giá trị biến a và b ra trình duyệt nên nó sẽ có chuỗi ký tự “a=3b=6”. Tiếp theo dòng 6 kiểm tra xem biến a có lớn hơn b không, ở đây biến a không lớn hơn biến b nên nó sẽ thoát khỏi khối lệnh điều kiện if và thực hiện lệnh ngay sau khối lệnh if nên nó xuất ra dòng “b=6” sau đó mới kết thúc đoạn chương trình.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**20** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457011_SE401-02052.20120202_TNU&attempt_bt30=1085657&attempt=0)

**Cho biết kết quả khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.   <?php**

**2.   $a1=5.7;**

**3.   $a2=3;**

**4.   $a3 = $a1%$a2;**

**5.   echo($a3);**

**6.   ?>**

**Đúng. Đáp án đúng là**: 2

**Vì**: Phép toán “%” trong php là phép toán lấy phần dư của phép chia nội dung của biến a1 cho biến a2 và chuyển phần dư thành số nguyên theo phép làm tròn bỏ đi phần thập phân. Do vậy: 5,7/3=1 dư 2,7 nên a3 =2,7. Bỏ đi phần thập phân thì a3=2.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP” “”

**1** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457038_SE401-03043.20120202_TNU)

**Trong PHP thì biến $\_GET thường được dùng trong trường hợp nào sau đây?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: Nhận dữ liệu từ form

**Vì**: $\_GET Là một mảng kết hợp của các biến nhận được từ script hiện tại thông qua các tham số trong đường dẫn URL. Được xây dựng để nhận dữ liệu từ form sử dụng phương thức GET. Khi sử dụng phương thức GET thì tất cả các thông tin về tên biến và giá trị của chúng đều được hiển thị trong đường dẫn URL. Do đó không nên sử dụng phương thức này để gửi mật khẩu hoặc các thông tin nhạy cảm.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**2** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457042_SE401-03054.20120202_TNU)

**Kết quả khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.   <?php**

**2.   $st = "1,2,3,4";**

**3.   $mang = explode(',',$st);**

**4.   print\_r($mang);**

**5.   ?>**

**Sai. Đáp án đúng là**: Array ( [0] => 1 [1] => 2 [2] => 3 [3] => 4 )

**Vì**: Hàm explode($ch, $st): tách chuỗi $st thành nhiều phần tử và gán cho phần tử mảng, tách theo ký tự $ch.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 7, mục “Dữ liệu mảng” và Chương 8, mục “Dữ liệu dạng chuỗi”

Câu**3** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457039_SE401-03044.20120202_TNU)

**Ký tự trắng (space) được biến đổi thành ký tự gì trong thanh địa chỉ URL?**

**Sai. Đáp án đúng là**: Dấu cộng (+).

**Vì**: URL có thể được gởi thông qua Internet bằng cách sử dụng các ký tựASCII character-set. Bởi vì URL thường bao gồm những ký tự ngoài tập hợp ASCII, URL phải được chuyển đổi thành những dạng phù hợp của các ký tự ASCII. URL không thể bao gồm khoảng trắng. Khoảng trắng sẽ được thay thế bởi ký tự “+”

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 1, mục “Giới thiệu cấu  trúc HTML và thẻ HTML”

Câu**4** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457043_SE401-03055.20120202_TNU)

**Kết quả khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.  <?php**

**2.  $a = array("Nguyen","Van","Nam","Khanh");**

**3.  $b = implode(' ',$a);**

**4.  echo($b);**

**5.  ?>**

**Sai. Đáp án đúng là**: Nguyen Van Nam Khanh.

**Vì**: Hàm implode($ch, $mang): kết hợp các phần tử mảng thành chuỗi, các phần tử mảng cách nhau bởi $ch.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 7, mục “Dữ liệu mảng” và Chương 8, mục “Dữ liệu dạng chuỗi”

Câu**5** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457046_SE401-03087.20120202_TNU)

**Phát biểu nào sau đây về $\_POST là SAI?**

**Sai. Đáp án đúng là**: Không giới hạn kích thước mặc định của biến.

**Vì**: Giới hạn kích thước mặc định của các biến trong phương thức POST là 8MB. Tuy nhiên, có thể thay đổi được bằng cách thiết lập lại giá trị cho post\_max\_size trong php.ini, nên kích thước của biến là không giới hạn.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 1, mục “ Giới thiệu cấu trúc HTML và thẻ HTML” và giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải\_1” , Phần 3, Biến và các phép xử lý trên biến”

Câu**6** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457076_SE401-04053.20120202_TNU)

**Lệnh nào sau đây của php dùng để kiểm tra kết thúc tập tin?**

**Sai. Đáp án đúng là**: feof

**Vì**: Để kiểm tra trạng thái kết thúc tập tin hay chưa chúng ta sử dụng hàm feof($f). Trong đó $f là biến khai báo nhận giá trị trả về của hàm fopen(). Hàm trả về kết quả là TRUE nếu con trỏ ở cuối file.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Câu**7** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457072_SE401-04015.20120202_TNU)

**Để chèn chỉ một file một lần duy nhất từ ngoài vào trong trang php thì dùng câu lệnh nào sau đây mà nó không thực hiện cho đến cuối chương trình và báo lỗi khi file đó có lỗi?**

**Sai. Đáp án đúng là**: require\_once(“tên file”);

**Vì**: include và require để chèn file từ ngoài vào dùng trong trang php nhưng Include: nếu file chèn vào có lỗi thì nó cảnh báo lỗi và tiếp tục thực hiện file cho tới cuối cùng.  
Require: nếu có lỗi thì nó báo lỗi và dùng tại đó, không thực hiện câu lệnh tiếp theo nữa.

Còn include\_once và require\_once: Nó chỉ thêm file vào một lần duy nhất.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 9, mục “Xây dựng hàm người dùng và sử dụng lại mã PHP”

Câu**8** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457081_SE401-04088.20120202_TNU)

**Kết quả đúng khi cho chạy đoạn chương trình sau nếu có tập tin “vidu.txt”?**

**1.   <?php**

**2.   $f = "vidu.txt";**

**3.   if (!unlink($f))**

**4.   {**

**5.   echo "Khong xoa duoc tap tin $f";**

**6.   }**

**7.   else**

**8.   {**

**9.   echo "Da xoa tap tin $f";**

**10. }**

**11. ?>**

**Sai. Đáp án đúng là**: Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Da xoa tap tin vidu.txt”.

**Vì**: Để xóa tập tin ta sử dụng hàm unlink(). Cú pháp: unlink(<tập tin>). Do vậy, nếu tập tin vidu.txt tồn tại thì nó sẽ bị xóa và điều kiện của khối lệnh if là true. Sau đó câu lệnh số 9 được thực hiện và xuất ra dòng “Da xoa tap tin vidu.txt”

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Câu**9** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457078_SE401-04081.20120202_TNU)

**Phát biểu nào sau đây về cookie là SAI?**

**Sai. Đáp án đúng là**: Kịch bản cookie phải đặt dưới mọi giá trị trả về bao gồm thẻ HTML và lệnh echo.

**Vì**: Kịch bản cookie phải đặt trên mọi giá trị trả về bao gồm thẻ HTML và lệnh echo.  Tên cookie là tên mà chúng ta đặt cho phiên làm việc.  Thời gian sống  của cookie là thời gian tính từ thời điểm thiết lập.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Câu**10** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457075_SE401-04051.20120202_TNU)

**Nếu file vidu.txt không tồn tại thì kết quả khi cho chạy đoạn lệnh sau?**

**$f = fopen("vidu.txt", "w");**

**Sai. Đáp án đúng là**: Tạo ra file vidu.txt

**Vì**: Để mở tập tin chúng ta sử dụng hàm fopen(). Cú pháp: fopen(<tên\_tập\_tin>,<chế độ mở>). Nếu chế độ mở là “w” thì chỉ ghi file. Mở và xóa toàn bộ nội dung của file đã có hoặc tạo ra một file mới  nếu file đó không tồn tại, sau đó ghi nội dung vào file.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Câu**2** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457035_SE401-03011.20150202_TNU)

Điểm : 1

**Kết quả đúng khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.   <?php**

**2.   $email = "topica@hitc.edu.vn";**

**3.   $st = strpos($email,'@');**

**4.   echo $st;**

**5.   ?>**

**Sai. Đáp án đúng là**: 6

**Vì**: Hàm strpos($st1,$st2): tìm vị trí chuỗi con $st2 trong chuỗi $st1. Do vậy, dòng 3 biến st sẽ có giá trị bằng 6.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**3** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457037_SE401-03015.20120202_TNU)

**Trong kiểu đối tượng của form là Textarea thì dữ liệu hiển thị dưới dạng nào sau đây?**

**Sai. Đáp án đúng là**: multiline

**Vì**: Textarea: Dùng để nhập và hiển thị dữ liệu dạng multiline:

•   Numline: số dòng văn bản hiển thị

•   Wrap: Tăng số dòng bản nếu văn bản vượt quá numline

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**8** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457080_SE401-04084.20120202_TNU)

Điểm : 1

**Trong thư mục gốc như sau: c://giang/thu/vidu.txt. Hãy cho biết kết quả khi cho chạy đoạn chương trình php sau đây?**

**1.   <?php**

**2.   $dir=opendir("c://giang/thu");**

**3.   while ($file=readdir($dir))**

**4.   {**

**5.   echo "$file\n";**

**6.   }**

**7.   closedir($dir);**

**8.   ?>**

**Sai. Đáp án đúng là**: “…vidu.txt”.

**Vì**: Lệnh dòng 2 là để mở thư mục ta sử dụng hàm opendir(). Kết quả trả về sẽ là nguồn(chứa các thư mục và tập tin) của thư mục nếu thư mục mở thành công, ngược lại trả về giá trị False.

Dòng 3 đến dòng 6 thực hiện duyệt thư mục bằng cách sử dụng vòng lặp kết hợp với hàm readdir().

Dòng 7 đóng thư mục lại.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Câu**10** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457074_SE401-04047.20120202_TNU)

**Có một file inluded.php như sau:**

**<?php**

**echo 'Xin chao PHP <br />';   
?>**

**Kết quả đúng khi cho chạy đoạn chương trình php sau?**

**// calling.php   
<?php   
include 'included.php';   
require 'included.php';   
?>**

**Sai. Đáp án đúng là**:

Xin chao PHP

Xin chao PHP

**Vì**: Include và require dùng để thêm file vào nên lệnh include sau đó có lệnh gọi require file thì cũng vẫn được thực thi. Kết quả là file included.php được gọi hai lần.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 9, mục “Xây dựng hàm người dùng và sử dụng lại mã PHP”

**1** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457034_SE401-03007.20150306_TNU)

**Đáp án đúng khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.   <?php**

**2.   $b = "nguyen van nam aaa";**

**3.   $b = rtrim($b,'a');**

**4.   $c = strtoupper ($b);**

**5.   echo ($c);**

**6.   ?>**

**Sai. Đáp án đúng là**: NGUYEN VAN NAM

**Vì**: Lệnh rtrim(biến, ‘ký tự cắt’); trong php là cắt đi từ bên phải các ký tự cắt cho nên nó chỉ cắt cho đến khi có ký tự khác với ký tự cắt thì dừng lại. Do vậy đáp án đúng là “NGUYEN VAN NAM”. Sau d dó dòng 4 là strtouper($b) chuyển nội dung của biến b thành chữ in hoa. Do vậy, kết quả là “NGUYEN VAN NAM”

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**2** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457045_SE401-03086.20120202_TNU)

**Form khai báo sử dụng phương thức $\_GET như sau:**

**<form action="xin-chao.php" method="POST">**

**<input type="text" name="ten" />**

**<input type="submit" />**

**</form>**

**Trong xin-chao.php sử dụng $\_POST để nhận dữ liệu từ form đã submit:**

**<?php**

**print $\_POST["ten"];**

**?>**

**Khi người dùng nhập tên vietnam và kích vào nút “Submit Query” thì đường dẫn URL sẽ như thế nào?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: https://localhost/xin-chao.php.

**Vì**: $\_POST là một mảng kết hợp của các biến thông qua các giá trị được nhận được mà phương thức HTTP POST (gọi tắt là POST) gửi đi. Thông tin (giá trị và các biến) được gửi từ một form với phương thức POST sẽ không được nhìn thấy trong đường dẫn URL. Do vậy, khi tên “vietnam” nhập vào sẽ không được hiển thị trên đường dẫn URL.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 1, mục “ Giới thiệu cấu trúc HTML và thẻ HTML” và giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải\_1” , Phần 3, Biến và các phép xử lý trên biến”

Câu**4** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457044_SE401-03084.20120202_TNU)

**Phát biểu nào sau đây về $\_GET là Sai?**

**Sai. Đáp án đúng là**: Người dùng không thể nhìn thấy được thông tin được gửi từ form sử dụng phương thức GET trên thanh địa chỉ của trình duyệt và số lượng thông tin được gửi là có giới hạn.

**Vì**: $\_GET là một mảng kết hợp của các biến nhận được từ script hiện tại thông qua các tham số trong đường dẫn URL. Được xây dựng để nhận dữ liệu từ form sử dụng phương thức GET.  
Người dùng có thể nhìn thấy được thông tin được gửi từ form sử dụng phương thức GET trên thanh địa chỉ của trình duyệt và số lượng thông tin được gửi là có giới hạn. Từ PHP 4.1.0 $\_GET được giới thiệu để thay thế cho $HTTP\_GET\_VARS.

**Tham khảo**: Giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải\_1” , Phần 3, Biến và các phép xử lý trên biến”

Câu**5** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457033_SE401-03005.20120202_TNU)

**Kết quả khi cho chạy đoạn code sau?**

**1.   <?php**

**2.   $a = <<<tailieu**

**3.   1234**

**4.   abcd**

**5.   tailieu;**

**6.   echo ($a);**

**7.   ?>**

**Sai. Đáp án đúng là**: 1234 abcd

**Vì**: Đây là chuỗi định dạng kiểu tài liệu trong php. Tuy nhiên loại định dạng này, muốn xuống dòng thì phải có ký tự điểu khiển xuống dòng <br>. Nếu không có thì nó sẽ hiển thị thành chuỗi liên tục và nếu có chuỗi ở các dòng khác nhau trong cửa sổ viết code thì khi hiển thị là 1 dòng và có dấu cách giữa chúng. do vậy kết quả xuất ra “1234 abcd”.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP

Câu**7** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457067_SE401-04001.20120202_TNU)

Điểm : 1

**Cookie được lưu ở đâu trên browser?**

**Sai. Đáp án đúng là**: file

**Vì**: Cookies được lưu trên file còn Session được lưu trên bộ nhớ tạm, vì vậy khi tắt trình duyệt thì session mất nhưng cookies thì vẫn còn.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và MySQL session, cookie”

Câu**8** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457069_SE401-04006.20120202_TNU)

**Câu lệnh nào sau đây dùng để thiết lập cookie trong php?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: Setcookie("tên cookie","giá trị", thời gian);

**Vì**: Để thiết lập cookie ta sử dụng cú pháp: Setcookie("tên cookie","giá trị", thời gian sống); Trong đó tên cookie là tên mà chúng ta đặt cho phiên làm việc, giá trị là thông số của tên cookie.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và MySQL session, cookie”

Câu**10** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457073_SE401-04043.20120202_TNU)

**Giải thích ý nghĩa của lệnh sau?  
setcookie(‘text1’ , $\_POST[‘text1’], time() + 100);**

**Sai. Đáp án đúng là**: Lưu nội dung của điều khiển HTML có tên là text1 vào biến cookie có tên là text1.

**Vì**: Lệnh setcookie() trong php dùng để khai báo một biến cookie. Hàm này đặt trên thẻ <html> với cú pháp

setcookie(name, value [,expire]);

Trong đó:

•        Name: tên biến cookie là tên đặt cho phiên làm việc

•        value : giá trị là thông số của tên cookie

•        expire: thời gian sống của cookie có đơn vị tính là giây. Nếu thời gian không được thiết lập thì biến cookie sẽ còn hiệu lực cho đến khi người dùng xóa tập tin cookie.

•        Kịch bản cookie phải đặt trên mọi giá trị trả về bao gồm thẻ HTML và lệnh echo.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và MySQL session, cookie”

Câu**2** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457040_SE401-03046.20120202_TNU)

**Trong php, để xử lý việc nhận gửi thông tin từ một form của người dùng nhập vào thì sử dụng phương thức nào sau đây?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: POST và GET

**Vì**: Để xử lý việc nhận gửi thông tin từ một form của người dùng nhập vào là rất thường xuyên. Chúng ta thường sử dụng hai phương thức POST và GET.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**4** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457032_SE401-03003.20120202_TNU)

**Kết quả khi cho chạy đoạn code sau?**

**5.   <?php**

**6.   $a = "Hello";**

**7.   $b= ‘$aworld’;**

**8.   echo "$b";**

**?>**

**Đúng. Đáp án đúng là**: $aworld

**Vì**: Do chuỗi đặt trong dấu ‘’ sẽ không được xử lý ký tự đặc biệt trong chuỗi cho nên nó sẽ in ra màn hình nội dung chuỗi đặt trong cặp dấu này. Kết quả nó in ra chuỗi $aworld

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**5** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457041_SE401-03049.20120202_TNU)

**Trong form, đối tượng nào sau đây chỉ có cho phép chọn một đối tượng một lúc?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: Radio buttons.

**Vì**: Radio button chỉ cho phép chọn một trong những button mà thôi.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**9** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457068_SE401-04003.20120202_TNU)

**Những thông tin được lưu trữ trong cookies phụ thuộc vào điều nào sau đây?**

**Sai. Đáp án đúng là**: Website trên server.

**Vì**: Những thông tin được lưu trữ trong cookies hoàn toàn phụ thuộc vào website trên server. Mỗi website có thể lưu trữ những thông tin khác nhau trong cookies, Ví dụ thời điểm lần cuối bạn ghé thăm website, đánh dấu bạn đã login hay chưa,...

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và MySQL session, cookie”

Câu**10** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457077_SE401-04055.20120202_TNU)

**Lệnh nào sau đây của php dùng để ghi nội dung vào tập tin?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: fwrite

**Vì**: Để ghi nội dung vào tập tin ta sử dụng hàm fwrite().Cú pháp:

fwrite(<tập tin>, <nội dung [, <độ dài>]>);

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Câu**8** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457079_SE401-04082.20120202_TNU)

**1.      <?php**

**2.      $f = 'vidu.txt';**

**3.      if(file\_exists($f))**

**4.      {**

**5.      echo "Tồn tại tập tin";**

**6.      }**

**7.      Else**

**8.      {  echo "Không tồn tại tập tin";**

**9.      }**

**10.    ?>**

**Kết quả khi cho chạy đoạn chương trình trên nếu không có file “vidu.txt”?**

**Sai. Đáp án đúng là**: Không tồn tại tập tin

**Vì**: Kiểm tra sự tồn tại của file ta sử dụng hàm: file\_exists() hoặc is\_file(). Do file “vidu.txt” không tồn tại nên nó sẽ cho kết quả trả về là false. Do vậy, kết quả xuất ra dòng chữ “Không tồn tại tập tin”.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Câu**9** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457071_SE401-04012.20120202_TNU)

**Để chèn nhiều hơn một file từ ngoài vào trong trang php thì dùng câu lệnh nào sau đây mà nó vẫn thực hiện cho đến cuối chương trình và chỉ có cảnh báo lỗi khi file đó có lỗi?**

**Sai. Đáp án đúng là**: include(“tên file”);

**Vì**: include và require để chèn file từ ngoài vào dùng trong trang php nhưng Include: nếu file chèn vào có lỗi thì nó cảnh báo lỗi và tiếp tục thực hiện file cho tới cuối cùng.  
Require: nếu có lỗi thì nó báo lỗi và dùng tại đó, không thực hiện câu lệnh tiếp theo nữa.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 9, mục “Xây dựng hàm người dùng và sử dụng lại mã PHP”

**8** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457070_SE401-04011.20120202_TNU)

**Lệnh nào sau đây của php cho phép hủy bỏ toàn bộ giá trị của session?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: session\_destroy();

**Vì**: Để hủy bỏ giá trị của session ta có những cách sau:

-     session\_destroy(): Cho phép hủy bỏ toàn bộ giá trị của session

-     session\_unset(): Cho phép hủy bỏ session .

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và MySQL session, cookie”

Câu**3** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457043_SE401-03055.20120202_TNU&attempt_bt30=1111166&attempt=0)

**Kết quả khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.  <?php**

**2.  $a = array("Nguyen","Van","Nam","Khanh");**

**3.  $b = implode(' ',$a);**

**4.  echo($b);**

**5.  ?>**

**Đúng. Đáp án đúng là**: Nguyen Van Nam Khanh.

**Vì**: Hàm implode($ch, $mang): kết hợp các phần tử mảng thành chuỗi, các phần tử mảng cách nhau bởi $ch.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 7, mục “Dữ liệu mảng” và Chương 8, mục “Dữ liệu dạng chuỗi”

Câu**5** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457040_SE401-03046.20120202_TNU&attempt_bt30=1111166&attempt=0)

Điểm : 1

**Trong php, để xử lý việc nhận gửi thông tin từ một form của người dùng nhập vào thì sử dụng phương thức nào sau đây?**

**Đúng. Đáp án đúng là**: POST và GET

**Vì**: Để xử lý việc nhận gửi thông tin từ một form của người dùng nhập vào là rất thường xuyên. Chúng ta thường sử dụng hai phương thức POST và GET.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**6** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457045_SE401-03086.20120202_TNU&attempt_bt30=1111166&attempt=0)

Điểm : 1

**Form khai báo sử dụng phương thức $\_GET như sau:**

**<form action="xin-chao.php" method="POST">**

**<input type="text" name="ten" />**

**<input type="submit" />**

**</form>**

**Trong xin-chao.php sử dụng $\_POST để nhận dữ liệu từ form đã submit:**

**<?php**

**print $\_POST["ten"];**

**?>**

**Khi người dùng nhập tên vietnam và kích vào nút “Submit Query” thì đường dẫn URL sẽ như thế nào?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   https://localhost/xin-chao.php?ten=vietnam Không đúng * B)   localhost/xin-chao.php?ten=vietnam Không đúng * C)   https://localhost/xin-chao.php?vietnam Không đúng * D)   https://localhost/xin-chao.php Đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: https://localhost/xin-chao.php.

**Vì**: $\_POST là một mảng kết hợp của các biến thông qua các giá trị được nhận được mà phương thức HTTP POST (gọi tắt là POST) gửi đi. Thông tin (giá trị và các biến) được gửi từ một form với phương thức POST sẽ không được nhìn thấy trong đường dẫn URL. Do vậy, khi tên “vietnam” nhập vào sẽ không được hiển thị trên đường dẫn URL.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 1, mục “ Giới thiệu cấu trúc HTML và thẻ HTML” và giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải\_1” , Phần 3, Biến và các phép xử lý trên biến”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**7** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457032_SE401-03003.20120202_TNU&attempt_bt30=1111166&attempt=0)

Điểm : 1

**Kết quả khi cho chạy đoạn code sau?**

**5.   <?php**

**6.   $a = "Hello";**

**7.   $b= ‘$aworld’;**

**8.   echo "$b";**

**?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Helloworld Không đúng * B)   Hello Không đúng * C)   $aworld Đúng * D)   Báo lỗi dòng 3 Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: $aworld

**Vì**: Do chuỗi đặt trong dấu ‘’ sẽ không được xử lý ký tự đặc biệt trong chuỗi cho nên nó sẽ in ra màn hình nội dung chuỗi đặt trong cặp dấu này. Kết quả nó in ra chuỗi $aworld

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**9** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457061_SE401-03014.20120202_TNU&attempt_bt30=1111166&attempt=0)

Điểm : 1

**Viết tắt của HTTP từ cụm từ nào?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Hypertext Transfer PHP Không đúng * B)   Hypertexture Transfer Protocol Không đúng * C)   Hypertext Transport Protocol Không đúng * D)   Hypertext Transfer Protocol Đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Hypertext Transfer Protocol.

**Vì**: HTTP là viết tắc của cụm từ Hypertext Transfer Protocol là Giao Thức Truyền Siêu Văn Bản-một trong năm giao thức chuẩn về mạng Internet, được dùng để liên hệ thông tin giữa Máy cung cấp Dịch Vụ (Webserver) và Máy dùng dịch vụ (Client).

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 1, mục “Giới thiệu cấu trúc HTML và thẻ HTML”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**10** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457063_SE401-03056.20120202_TNU&attempt_bt30=1111166&attempt=0)

Điểm : 1

**Kết quả đúng khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**6.   <?php**

**7.   $st = "1,2,3,4,5,6";**

**8.   $mang = array();**

**9.   $mang = explode(",",$st);**

**10. $n = count($mang);**

**11. for($i = 0; $i < $n-1; $i++ )**

**12. {**

**13. echo $mang[$i];**

**14. }**

**15. ?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   1,2,3,4,5,6 Không đúng * B)   123456 Không đúng * C)   12345 Đúng * D)   23456 Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: 12345

**Vì**: Dòng 14 là hàm explode($ch, $st) tách chuỗi $st thành nhiều phần tử và gán cho phần tử mảng, tách theo ký tự $ch. Do vậy lúc này trong mảng chứa các số 1 2 3 4 5 6 tương ứng vào các phần tử $mang[0] đến $mang[5]. Tiếp sau đó là vòng lặp for để in ra các phần tử mảng ;từ phần tử đầu tiên đến phần tử mảng có chỉ số bằng số phần tử mẳng trừ đi một. Do vậy đoạn chương trình in ra dòng 12345.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 7, mục “Dữ liệu mảng” và Chương 8, mục “Dữ liệu dạng chuỗi”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**11** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457080_SE401-04084.20120202_TNU&attempt_bt30=1111166&attempt=0)

Điểm : 1

**Trong thư mục gốc như sau: c://giang/thu/vidu.txt. Hãy cho biết kết quả khi cho chạy đoạn chương trình php sau đây?**

**1.   <?php**

**2.   $dir=opendir("c://giang/thu");**

**3.   while ($file=readdir($dir))**

**4.   {**

**5.   echo "$file\n";**

**6.   }**

**7.   closedir($dir);**

**8.   ?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Báo lỗi dòng 2 Không đúng * B)   Báo lỗi dòng 3 Không đúng * C)   “…vidu.txt” Đúng * D)   “c://giang/thu/vidu.txt” Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: “…vidu.txt”.

**Vì**: Lệnh dòng 2 là để mở thư mục ta sử dụng hàm opendir(). Kết quả trả về sẽ là nguồn(chứa các thư mục và tập tin) của thư mục nếu thư mục mở thành công, ngược lại trả về giá trị False.

Dòng 3 đến dòng 6 thực hiện duyệt thư mục bằng cách sử dụng vòng lặp kết hợp với hàm readdir().

Dòng 7 đóng thư mục lại.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**12** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457076_SE401-04053.20120202_TNU&attempt_bt30=1111166&attempt=0)

Điểm : 1

**Lệnh nào sau đây của php dùng để kiểm tra kết thúc tập tin?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   eof Không đúng * B)   fof Không đúng * C)   feof Đúng * D)   foef Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: feof

**Vì**: Để kiểm tra trạng thái kết thúc tập tin hay chưa chúng ta sử dụng hàm feof($f). Trong đó $f là biến khai báo nhận giá trị trả về của hàm fopen(). Hàm trả về kết quả là TRUE nếu con trỏ ở cuối file.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Câu**16** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457069_SE401-04006.20120202_TNU&attempt_bt30=1111166&attempt=0)

Điểm : 1

**Câu lệnh nào sau đây dùng để thiết lập cookie trong php?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Setcookie("tên cookie","giá trị", thời gian); Đúng * B)   $\_COOKIE(“tên cookie”); Không đúng * C)   Setcookie(“tên cookie”); Không đúng * D)   Setcookie("tên cookie", thời gian); Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Setcookie("tên cookie","giá trị", thời gian);

**Vì**: Để thiết lập cookie ta sử dụng cú pháp: Setcookie("tên cookie","giá trị", thời gian sống); Trong đó tên cookie là tên mà chúng ta đặt cho phiên làm việc, giá trị là thông số của tên cookie.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và MySQL session, cookie”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**17** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457077_SE401-04055.20120202_TNU&attempt_bt30=1111166&attempt=0)

Điểm : 1

**Lệnh nào sau đây của php dùng để ghi nội dung vào tập tin?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   fgets Không đúng * B)   fgetc Không đúng * C)   fwrite Đúng * D)   fprint Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: fwrite

**Vì**: Để ghi nội dung vào tập tin ta sử dụng hàm fwrite().Cú pháp:

fwrite(<tập tin>, <nội dung [, <độ dài>]>);

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**18** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457067_SE401-04001.20120202_TNU&attempt_bt30=1111166&attempt=0)

Điểm : 1

**Cookie được lưu ở đâu trên browser?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Bộ nhớ tạm Không đúng * B)   file Đúng * C)   Biến toàn cục Không đúng * D)   Biến cục bộ Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: file

**Vì**: Cookies được lưu trên file còn Session được lưu trên bộ nhớ tạm, vì vậy khi tắt trình duyệt thì session mất nhưng cookies thì vẫn còn.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và MySQL session, cookie”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**19** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457095_SE401-04002.20120202_TNU&attempt_bt30=1111166&attempt=0)

Điểm : 1

**Session được lưu ở đâu trên browser?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Bộ nhớ tạm Đúng * B)   file Không đúng * C)   Biến toàn cục Không đúng * D)   Biến cục bộ Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Bộ nhớ tạm.

**Vì**: Cookies được lưu trên file còn Session được lưu trên bộ nhớ tạm, vì vậy khi tắt trình duyệt thì session mất nhưng cookies thì vẫn còn.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và MySQL session, cookie”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**20** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457096_SE401-04013.20120202_TNU&attempt_bt30=1111166&attempt=0)

Điểm : 1

**Để chèn nhiều hơn một file từ ngoài vào trong trang php thì dùng câu lệnh nào sau đây mà nó không thực hiện cho đến cuối chương trình và báo lỗi khi file đó có lỗi?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   include(“tên file”); Không đúng * B)   require(“tên file”); Đúng * C)   include\_once(“tên file”); Không đúng * D)   require\_once(“tên file”); Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: require(“tên file”);

**Vì**: include và require để chèn file từ ngoài vào dùng trong trang php nhưng Include: nếu file chèn vào có lỗi thì nó cảnh báo lỗi và tiếp tục thực hiện file cho tới cuối cùng.  
Require: nếu có lỗi thì nó báo lỗi và dùng tại đó, không thực hiện câu lệnh tiếp theo nữa.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 9, mục “Xây dựng hàm người dùng và sử dụng lại mã PHP”

Câu**9** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456932_SE401-01011.20120202_TNU&attempt_bt30=1091835&attempt=0)

Điểm : 1

**WWW là viết tắt của từ tiếng anh nào sau đây?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   World Wide Web Đúng * B)   Windows World Web Không đúng * C)   Web World Windows Không đúng * D)   Win World web Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: World Wide Web.

**Vì**: World Wide Web (WWW): Tập hợp các web site trên mạng internet.

**Tham khảo**: Giáo trình “Beginning PHP Apache MySQL Web Development”; “Chapter 1” mục “Configuring Your Installation”

Câu**19** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457010_SE401-02044.20120202_TNU&attempt_bt30=1091835&attempt=0)

**Dạng dữ liệu nào sẽ được tự động dịch khi gán biến này: $var = 50.0?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   double Đúng * B)   integer Không đúng * C)   string Không đúng * D)   boolean Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: double

**Vì**: Kiểu dữ liệu của số có kí hiệu“50.0” là kiểu double.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**20** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457009_SE401-02013.20120202_TNU&attempt_bt30=1091835&attempt=0)

Điểm : 1

**Lệnh nào sau đây có thể dùng để xuất giá trị ra màn hình trong php?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   print <”thông tin”>; Đúng * B)   write<”thông tin”>; Không đúng * C)   writeline<”thông tin”>; Không đúng * D)   out<”thông tin”>; Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: print <”thông tin”>;

**Vì**: Có hai lệnh dùng để xuất giá trị rá màn hình trong ngôn ngữ PHP đó là:

Hàm echo:

ν   Cách dùng:

♦   echo(<thông tin>);

♦   echo <thông tin>;

Hàm print:

ν   Cách dùng:

♦   print(<thông tin>);

♦   Print <thông tin>;

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**9** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456932_SE401-01011.20120202_TNU&attempt_bt30=1091843&attempt=0)

Điểm : 1

**WWW là viết tắt của từ tiếng anh nào sau đây?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   World Wide Web Đúng * B)   Windows World Web Không đúng * C)   Web World Windows Không đúng * D)   Win World web Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: World Wide Web.

**Vì**: World Wide Web (WWW): Tập hợp các web site trên mạng internet.

**Tham khảo**: Giáo trình “Beginning PHP Apache MySQL Web Development”; “Chapter 1” mục “Configuring Your Installation”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**10** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456934_SE401-01052.20120202_TNU&attempt_bt30=1091843&attempt=0)

Điểm : 1

**Đâu là tag khởi đầu của đoạn PHP?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   <? Đúng * B)   ?< Không đúng * C)   ?> Không đúng * D)   >? Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: <?.

**Vì**: “<? “ và “?>" là 2 thẻ (tag) để báo cho server biết điểm bắt đầu và kết thúc của một đoạn code PHP.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”; Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**19** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457010_SE401-02044.20120202_TNU&attempt_bt30=1091843&attempt=0)

Điểm : 1

**Dạng dữ liệu nào sẽ được tự động dịch khi gán biến này: $var = 50.0?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   double Đúng * B)   integer Không đúng * C)   string Không đúng * D)   boolean Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: double

**Vì**: Kiểu dữ liệu của số có kí hiệu“50.0” là kiểu double.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**20** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457009_SE401-02013.20120202_TNU&attempt_bt30=1091843&attempt=0)

Điểm : 1

**Lệnh nào sau đây có thể dùng để xuất giá trị ra màn hình trong php?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   print <”thông tin”>; Đúng * B)   write<”thông tin”>; Không đúng * C)   writeline<”thông tin”>; Không đúng * D)   out<”thông tin”>; Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: print <”thông tin”>;

**Vì**: Có hai lệnh dùng để xuất giá trị rá màn hình trong ngôn ngữ PHP đó là:

Hàm echo:

ν   Cách dùng:

♦   echo(<thông tin>);

♦   echo <thông tin>;

Hàm print:

ν   Cách dùng:

♦   print(<thông tin>);

♦   Print <thông tin>;

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**9** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456931_SE401-01002.20120202_TNU&attempt_bt30=1091876&attempt=0)

**Ai là người đầu tiên phát minh ra PHP?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   James Gosling Không đúng * B)   Tim Berners-Lee Không đúng * C)   Todd Fast Không đúng * D)   Rasmus Lerdorf Đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Rasmus Lerdorf.

**Vì**: PHP (Personal Home Page) do Rasmus Lerdorf phát minh ra, được công bố và phát triển từ năm 1994. Lúc đầu chỉ là một bộ đặc tả Perl. Được sử dụng để lưu dấu vết của người dùng trên các trang web. Sau đó, Rasmus Lerdorf đã phát triển PHP như là một máy đặc tả (Scripting engine).

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu PHP”

Câu**10** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1456932_SE401-01011.20120202_TNU&attempt_bt30=1091876&attempt=0)

**WWW là viết tắt của từ tiếng anh nào sau đây?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   World Wide Web Đúng * B)   Windows World Web Không đúng * C)   Web World Windows Không đúng * D)   Win World web Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: World Wide Web.

**Vì**: World Wide Web (WWW): Tập hợp các web site trên mạng internet.

**Tham khảo**: Giáo trình “Beginning PHP Apache MySQL Web Development”; “Chapter 1” mục “Configuring Your Installation”

Câu**20** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457010_SE401-02044.20120202_TNU&attempt_bt30=1091876&attempt=0)

**Dạng dữ liệu nào sẽ được tự động dịch khi gán biến này: $var = 50.0?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   double Đúng * B)   integer Không đúng * C)   string Không đúng * D)   boolean Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: double

**Vì**: Kiểu dữ liệu của số có kí hiệu“50.0” là kiểu double.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

**1** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457045_SE401-03086.20120202_TNU)

**Form khai báo sử dụng phương thức $\_GET như sau:**

**<form action="xin-chao.php" method="POST">**

**<input type="text" name="ten" />**

**<input type="submit" />**

**</form>**

**Trong xin-chao.php sử dụng $\_POST để nhận dữ liệu từ form đã submit:**

**<?php**

**print $\_POST["ten"];**

**?>**

**Khi người dùng nhập tên vietnam và kích vào nút “Submit Query” thì đường dẫn URL sẽ như thế nào?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   https://localhost/xin-chao.php?ten=vietnam Không đúng * B)   localhost/xin-chao.php?ten=vietnam Không đúng * C)   https://localhost/xin-chao.php?vietnam Không đúng * D)   https://localhost/xin-chao.php Đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: https://localhost/xin-chao.php.

**Vì**: $\_POST là một mảng kết hợp của các biến thông qua các giá trị được nhận được mà phương thức HTTP POST (gọi tắt là POST) gửi đi. Thông tin (giá trị và các biến) được gửi từ một form với phương thức POST sẽ không được nhìn thấy trong đường dẫn URL. Do vậy, khi tên “vietnam” nhập vào sẽ không được hiển thị trên đường dẫn URL.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 1, mục “ Giới thiệu cấu trúc HTML và thẻ HTML” và giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải\_1” , Phần 3, Biến và các phép xử lý trên biến”

Câu**2** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457037_SE401-03015.20120202_TNU)

**Trong kiểu đối tượng của form là Textarea thì dữ liệu hiển thị dưới dạng nào sau đây?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   multiline Đúng * B)   singleline Không đúng * C)   password Không đúng * D)   checkbox         Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: multiline

**Vì**: Textarea: Dùng để nhập và hiển thị dữ liệu dạng multiline:

•   Numline: số dòng văn bản hiển thị

•   Wrap: Tăng số dòng bản nếu văn bản vượt quá numline

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**3** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457044_SE401-03084.20120202_TNU)

**Phát biểu nào sau đây về $\_GET là Sai?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Là một mảng kết hợp của các biến nhận được từ script hiện tại thông qua các tham số trong đường dẫn URL.Không đúng * B)   Được xây dựng để nhận dữ liệu từ form sử dụng phương thức GET. Không đúng * C)   Người dùng không thể nhìn thấy được thông tin được gửi từ form sử dụng phương thức GET trên thanh địa chỉ của trình duyệt và số lượng thông tin được gửi là có giới hạn.Đúng * D)   Từ PHP 4.1.0 thì $\_GET được giới thiệu để thay thế cho $HTTP\_GET\_VARS Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Người dùng không thể nhìn thấy được thông tin được gửi từ form sử dụng phương thức GET trên thanh địa chỉ của trình duyệt và số lượng thông tin được gửi là có giới hạn.

**Vì**: $\_GET là một mảng kết hợp của các biến nhận được từ script hiện tại thông qua các tham số trong đường dẫn URL. Được xây dựng để nhận dữ liệu từ form sử dụng phương thức GET.  
Người dùng có thể nhìn thấy được thông tin được gửi từ form sử dụng phương thức GET trên thanh địa chỉ của trình duyệt và số lượng thông tin được gửi là có giới hạn. Từ PHP 4.1.0 $\_GET được giới thiệu để thay thế cho $HTTP\_GET\_VARS.

**Tham khảo**: Giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải\_1” , Phần 3, Biến và các phép xử lý trên biến”

Câu**5** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457033_SE401-03005.20120202_TNU)

**Kết quả khi cho chạy đoạn code sau?**

**1.   <?php**

**2.   $a = <<<tailieu**

**3.   1234**

**4.   abcd**

**5.   tailieu;**

**6.   echo ($a);**

**7.   ?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Báo lỗi dòng 6 Không đúng * B)   1234 abcd Đúng * C)   1234abcd Không đúng * D)   1234  abcd  Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: 1234 abcd

**Vì**: Đây là chuỗi định dạng kiểu tài liệu trong php. Tuy nhiên loại định dạng này, muốn xuống dòng thì phải có ký tự điểu khiển xuống dòng <br>. Nếu không có thì nó sẽ hiển thị thành chuỗi liên tục và nếu có chuỗi ở các dòng khác nhau trong cửa sổ viết code thì khi hiển thị là 1 dòng và có dấu cách giữa chúng. do vậy kết quả xuất ra “1234 abcd”.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP

Câu**6** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457076_SE401-04053.20120202_TNU)

**Lệnh nào sau đây của php dùng để kiểm tra kết thúc tập tin?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   eof Không đúng * B)   fof Không đúng * C)   feof Đúng * D)   foef Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: feof

**Vì**: Để kiểm tra trạng thái kết thúc tập tin hay chưa chúng ta sử dụng hàm feof($f). Trong đó $f là biến khai báo nhận giá trị trả về của hàm fopen(). Hàm trả về kết quả là TRUE nếu con trỏ ở cuối file.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Câu**9** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457081_SE401-04088.20120202_TNU)

**Kết quả đúng khi cho chạy đoạn chương trình sau nếu có tập tin “vidu.txt”?**

**1.   <?php**

**2.   $f = "vidu.txt";**

**3.   if (!unlink($f))**

**4.   {**

**5.   echo "Khong xoa duoc tap tin $f";**

**6.   }**

**7.   else**

**8.   {**

**9.   echo "Da xoa tap tin $f";**

**10. }**

**11. ?>**

|  |
| --- |
| * A)   Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Da xoa tap tin $f” Không đúng * B)   Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Khong xoa duoc tạp tin $f” Không đúng * C)   Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Da xoa tap tin vidu.txt” Đúng * D)   Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Khong xoa duoc tap tin vidu.txt” Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Da xoa tap tin vidu.txt”.

**Vì**: Để xóa tập tin ta sử dụng hàm unlink(). Cú pháp: unlink(<tập tin>). Do vậy, nếu tập tin vidu.txt tồn tại thì nó sẽ bị xóa và điều kiện của khối lệnh if là true. Sau đó câu lệnh số 9 được thực hiện và xuất ra dòng “Da xoa tap tin vidu.txt”

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Câu**10** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457079_SE401-04082.20120202_TNU)

**1.      <?php**

**2.      $f = 'vidu.txt';**

**3.      if(file\_exists($f))**

**4.      {**

**5.      echo "Tồn tại tập tin";**

**6.      }**

**7.      Else**

**8.      {  echo "Không tồn tại tập tin";**

**9.      }**

**10.    ?>**

**Kết quả khi cho chạy đoạn chương trình trên nếu không có file “vidu.txt”?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Báo lỗi dòng 2 Không đúng * B)   Báo lỗi dòng 3 Không đúng * C)   Tồn tại tập tin Không đúng * D)   Không tồn tại tập tin Đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Không tồn tại tập tin

**Vì**: Kiểm tra sự tồn tại của file ta sử dụng hàm: file\_exists() hoặc is\_file(). Do file “vidu.txt” không tồn tại nên nó sẽ cho kết quả trả về là false. Do vậy, kết quả xuất ra dòng chữ “Không tồn tại tập tin”.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Câu**3** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457041_SE401-03049.20120202_TNU&attempt_bt30=1111269&attempt=0)

**Trong form, đối tượng nào sau đây chỉ có cho phép chọn một đối tượng một lúc?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Checkbox Không đúng * B)   Radio buttons Đúng * C)   Text fields Không đúng * D)   Textarea Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Radio buttons.

**Vì**: Radio button chỉ cho phép chọn một trong những button mà thôi.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**4** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457036_SE401-03012.20120202_TNU&attempt_bt30=1111269&attempt=0)

**Kết quả đúng khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.   <?php**

**2.   $email = "topica@hitc.edu.vn";**

**3.   $st = str\_replace('hitc.edu.vn','yahoo.com',$email);**

**4.   echo $st;**

**5.   ?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   topica@hitc.edu.vn Không đúng * B)   yahoo.com Không đúng * C)   hitc.edu.vn Không đúng * D)   topica@ yahoo.com Đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: topica@ yahoo.com.

**Vì**: Hàm str\_replace($seach, $rep, $st): tìm kiếm và thay thế trong chuỗi st có chuỗi nào có nội dung như seach và thay thế chúng bằng nội dung của rep. Do vậy lệnh trong dòng 3 sẽ tìm kiếm chuỗi “hitc.edu.vn” trong email và thay thế bằng chuỗi yahoo.com

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Câu**6** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457033_SE401-03005.20120202_TNU&attempt_bt30=1111269&attempt=0)

**Kết quả khi cho chạy đoạn code sau?**

**1.   <?php**

**2.   $a = <<<tailieu**

**3.   1234**

**4.   abcd**

**5.   tailieu;**

**6.   echo ($a);**

**7.   ?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Báo lỗi dòng 6 Không đúng * B)   1234 abcd Đúng * C)   1234abcd Không đúng * D)   1234  abcd  Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: 1234 abcd

**Vì**: Đây là chuỗi định dạng kiểu tài liệu trong php. Tuy nhiên loại định dạng này, muốn xuống dòng thì phải có ký tự điểu khiển xuống dòng <br>. Nếu không có thì nó sẽ hiển thị thành chuỗi liên tục và nếu có chuỗi ở các dòng khác nhau trong cửa sổ viết code thì khi hiển thị là 1 dòng và có dấu cách giữa chúng. do vậy kết quả xuất ra “1234 abcd”.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP

Câu**7** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457043_SE401-03055.20120202_TNU&attempt_bt30=1111269&attempt=0)

**Kết quả khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.  <?php**

**2.  $a = array("Nguyen","Van","Nam","Khanh");**

**3.  $b = implode(' ',$a);**

**4.  echo($b);**

**5.  ?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   array("Nguyen","Van","Nam","Khanh") Không đúng * B)   ("Nguyen","Van","Nam","Khanh")  Không đúng   * C)   Nguyen,Van,Nam,Khanh  Không đúng   * D)   Nguyen Van Nam Khanh  Đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Nguyen Van Nam Khanh.

**Vì**: Hàm implode($ch, $mang): kết hợp các phần tử mảng thành chuỗi, các phần tử mảng cách nhau bởi $ch.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 7, mục “Dữ liệu mảng” và Chương 8, mục “Dữ liệu dạng chuỗi”

Câu**8** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457046_SE401-03087.20120202_TNU&attempt_bt30=1111269&attempt=0)

**Phát biểu nào sau đây về $\_POST là SAI?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   $\_POST là một trong số các biến thuộc nhóm Superglobals (\*). Không đúng * B)   Không giới hạn kích thước mặc định của biến. Đúng * C)   Thông tin giá trị và các biến được gửi từ một form với phương thức POST sẽ không được nhìn thấy trong đường dẫn URL.Không đúng * D)   Tên của các trường trong form sẽ tự động được chuyển thành khóa trong biến mảng $\_POST. Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Không giới hạn kích thước mặc định của biến.

**Vì**: Giới hạn kích thước mặc định của các biến trong phương thức POST là 8MB. Tuy nhiên, có thể thay đổi được bằng cách thiết lập lại giá trị cho post\_max\_size trong php.ini, nên kích thước của biến là không giới hạn.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 1, mục “ Giới thiệu cấu trúc HTML và thẻ HTML” và giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải\_1” , Phần 3, Biến và các phép xử lý trên biến”

Câu**9** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457064_SE401-03083.20120202_TNU&attempt_bt30=1111269&attempt=0)

**Để truyền dữ liệu như một biến trong PHP bạn cần phải làm gì?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Cần mã hóa ( encrypt ) Không đúng * B)   Cần nén (ziped) Không đúng * C)   Không cần làm gì thêm Đúng * D)   Cần nén rar Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Không cần làm gì thêm

**Vì**: Không cần làm gì thêm vì biến $\_GET và $\_POST đã được dựng sẳn và có thể sử dụng ngay.

**Tham khảo**: Giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải\_1” , Phần 3, Biến và các phép xử lý trên biến”

Câu**10** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457063_SE401-03056.20120202_TNU&attempt_bt30=1111269&attempt=0)

**Kết quả đúng khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**6.   <?php**

**7.   $st = "1,2,3,4,5,6";**

**8.   $mang = array();**

**9.   $mang = explode(",",$st);**

**10. $n = count($mang);**

**11. for($i = 0; $i < $n-1; $i++ )**

**12. {**

**13. echo $mang[$i];**

**14. }**

**15. ?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   1,2,3,4,5,6 Không đúng * B)   123456 Không đúng * C)   12345 Đúng * D)   23456 Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: 12345

**Vì**: Dòng 14 là hàm explode($ch, $st) tách chuỗi $st thành nhiều phần tử và gán cho phần tử mảng, tách theo ký tự $ch. Do vậy lúc này trong mảng chứa các số 1 2 3 4 5 6 tương ứng vào các phần tử $mang[0] đến $mang[5]. Tiếp sau đó là vòng lặp for để in ra các phần tử mảng ;từ phần tử đầu tiên đến phần tử mảng có chỉ số bằng số phần tử mẳng trừ đi một. Do vậy đoạn chương trình in ra dòng 12345.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 7, mục “Dữ liệu mảng” và Chương 8, mục “Dữ liệu dạng chuỗi”

Câu**11** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457081_SE401-04088.20120202_TNU&attempt_bt30=1111269&attempt=0)

**Kết quả đúng khi cho chạy đoạn chương trình sau nếu có tập tin “vidu.txt”?**

**1.   <?php**

**2.   $f = "vidu.txt";**

**3.   if (!unlink($f))**

**4.   {**

**5.   echo "Khong xoa duoc tap tin $f";**

**6.   }**

**7.   else**

**8.   {**

**9.   echo "Da xoa tap tin $f";**

**10. }**

**11. ?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Da xoa tap tin $f” Không đúng * B)   Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Khong xoa duoc tạp tin $f” Không đúng * C)   Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Da xoa tap tin vidu.txt” Đúng * D)   Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Khong xoa duoc tap tin vidu.txt” Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Da xoa tap tin vidu.txt”.

**Vì**: Để xóa tập tin ta sử dụng hàm unlink(). Cú pháp: unlink(<tập tin>). Do vậy, nếu tập tin vidu.txt tồn tại thì nó sẽ bị xóa và điều kiện của khối lệnh if là true. Sau đó câu lệnh số 9 được thực hiện và xuất ra dòng “Da xoa tap tin vidu.txt”

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Câu**12** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457073_SE401-04043.20120202_TNU&attempt_bt30=1111269&attempt=0)

**Giải thích ý nghĩa của lệnh sau?  
setcookie(‘text1’ , $\_POST[‘text1’], time() + 100);**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Lưu chuỗi có nội dung là text1 vào biến cookie có tên là text1. Không đúng * B)   Thiết lập giá trị cho text1 thời gian là 100. Không đúng * C)   Lưu nội dung của điều khiển HTML có tên là text1 vào biến cookie có tên là text1. Đúng * D)   Sai cú pháp.   Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Lưu nội dung của điều khiển HTML có tên là text1 vào biến cookie có tên là text1.

**Vì**: Lệnh setcookie() trong php dùng để khai báo một biến cookie. Hàm này đặt trên thẻ <html> với cú pháp

setcookie(name, value [,expire]);

Trong đó:

•        Name: tên biến cookie là tên đặt cho phiên làm việc

•        value : giá trị là thông số của tên cookie

•        expire: thời gian sống của cookie có đơn vị tính là giây. Nếu thời gian không được thiết lập thì biến cookie sẽ còn hiệu lực cho đến khi người dùng xóa tập tin cookie.

•        Kịch bản cookie phải đặt trên mọi giá trị trả về bao gồm thẻ HTML và lệnh echo.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và MySQL session, cookie”

Câu**13** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457074_SE401-04047.20120202_TNU&attempt_bt30=1111269&attempt=0)

**Có một file inluded.php như sau:**

**<?php**

**echo 'Xin chao PHP <br />';   
?>**

**Kết quả đúng khi cho chạy đoạn chương trình php sau?**

**// calling.php   
<?php   
include 'included.php';   
require 'included.php';   
?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Xin chao PHP <br />   Xin chao PHP <br />  Không đúng   * B)   Xin chao PHP Không đúng * C)   Xin chao PHP <br /> Không đúng * D)   Xin chao PHP   Xin chao PHP  Đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**:

Xin chao PHP

Xin chao PHP

**Vì**: Include và require dùng để thêm file vào nên lệnh include sau đó có lệnh gọi require file thì cũng vẫn được thực thi. Kết quả là file included.php được gọi hai lần.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 9, mục “Xây dựng hàm người dùng và sử dụng lại mã PHP”

Câu**14** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457072_SE401-04015.20120202_TNU&attempt_bt30=1111269&attempt=0)

**Để chèn chỉ một file một lần duy nhất từ ngoài vào trong trang php thì dùng câu lệnh nào sau đây mà nó không thực hiện cho đến cuối chương trình và báo lỗi khi file đó có lỗi?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   include(“tên file”); Không đúng * B)   require(“tên file”); Không đúng * C)   include\_once(“tên file”); Không đúng * D)   require\_once(“tên file”); Đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: require\_once(“tên file”);

**Vì**: include và require để chèn file từ ngoài vào dùng trong trang php nhưng Include: nếu file chèn vào có lỗi thì nó cảnh báo lỗi và tiếp tục thực hiện file cho tới cuối cùng.  
Require: nếu có lỗi thì nó báo lỗi và dùng tại đó, không thực hiện câu lệnh tiếp theo nữa.

Còn include\_once và require\_once: Nó chỉ thêm file vào một lần duy nhất.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 9, mục “Xây dựng hàm người dùng và sử dụng lại mã PHP”

Câu**15** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457071_SE401-04012.20120202_TNU&attempt_bt30=1111269&attempt=0)

**Để chèn nhiều hơn một file từ ngoài vào trong trang php thì dùng câu lệnh nào sau đây mà nó vẫn thực hiện cho đến cuối chương trình và chỉ có cảnh báo lỗi khi file đó có lỗi?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   include(“tên file”); Đúng * B)   require(“tên file”); Không đúng * C)   include\_once(“tên file”); Không đúng * D)   require\_once(“tên file”); Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: include(“tên file”);

**Vì**: include và require để chèn file từ ngoài vào dùng trong trang php nhưng Include: nếu file chèn vào có lỗi thì nó cảnh báo lỗi và tiếp tục thực hiện file cho tới cuối cùng.  
Require: nếu có lỗi thì nó báo lỗi và dùng tại đó, không thực hiện câu lệnh tiếp theo nữa.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 9, mục “Xây dựng hàm người dùng và sử dụng lại mã PHP”

Câu**16** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457075_SE401-04051.20120202_TNU&attempt_bt30=1111269&attempt=0)

**Nếu file vidu.txt không tồn tại thì kết quả khi cho chạy đoạn lệnh sau?**

**$f = fopen("vidu.txt", "w");**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Báo lỗi và thoát khỏi chương trình. Không đúng * B)   Cảnh báo Không đúng * C)   Tạo ra file vidu.txt Đúng * D)   Báo lỗi và tạo file vidu.txt Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Tạo ra file vidu.txt

**Vì**: Để mở tập tin chúng ta sử dụng hàm fopen(). Cú pháp: fopen(<tên\_tập\_tin>,<chế độ mở>). Nếu chế độ mở là “w” thì chỉ ghi file. Mở và xóa toàn bộ nội dung của file đã có hoặc tạo ra một file mới  nếu file đó không tồn tại, sau đó ghi nội dung vào file.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Câu**18** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457069_SE401-04006.20120202_TNU&attempt_bt30=1111269&attempt=0)

**Câu lệnh nào sau đây dùng để thiết lập cookie trong php?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Setcookie("tên cookie","giá trị", thời gian); Đúng * B)   $\_COOKIE(“tên cookie”); Không đúng * C)   Setcookie(“tên cookie”); Không đúng * D)   Setcookie("tên cookie", thời gian); Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Setcookie("tên cookie","giá trị", thời gian);

**Vì**: Để thiết lập cookie ta sử dụng cú pháp: Setcookie("tên cookie","giá trị", thời gian sống); Trong đó tên cookie là tên mà chúng ta đặt cho phiên làm việc, giá trị là thông số của tên cookie.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và MySQL session, cookie”

Câu**19** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457098_SE401-04054.20120202_TNU&attempt_bt30=1111269&attempt=0)

**Lệnh nào sau đây của php để đọc từng dòng trong tập tin?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   fgets Đúng * B)   fgetc Không đúng * C)   fopen Không đúng * D)   readline Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: fgets

**Vì**: Khi mở file chúng ta có thể đọc nội dung đã được mở theo từng dòng bằng hàm fgets(). Hàm sẽ trả về là chuỗi có độ dài xác định, mặc định độ dài là 1024.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Câu**20** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457096_SE401-04013.20120202_TNU&attempt_bt30=1111269&attempt=0)

**Để chèn nhiều hơn một file từ ngoài vào trong trang php thì dùng câu lệnh nào sau đây mà nó không thực hiện cho đến cuối chương trình và báo lỗi khi file đó có lỗi?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   include(“tên file”); Không đúng * B)   require(“tên file”); Đúng * C)   include\_once(“tên file”); Không đúng * D)   require\_once(“tên file”); Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: require(“tên file”);

**Vì**: include và require để chèn file từ ngoài vào dùng trong trang php nhưng Include: nếu file chèn vào có lỗi thì nó cảnh báo lỗi và tiếp tục thực hiện file cho tới cuối cùng.  
Require: nếu có lỗi thì nó báo lỗi và dùng tại đó, không thực hiện câu lệnh tiếp theo nữa.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 9, mục “Xây dựng hàm người dùng và sử dụng lại mã PHP”

**1** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457033_SE401-03005.20120202_TNU&attempt_bt30=1111327&attempt=0)

Điểm : 1

**Kết quả khi cho chạy đoạn code sau?**

**1.   <?php**

**2.   $a = <<<tailieu**

**3.   1234**

**4.   abcd**

**5.   tailieu;**

**6.   echo ($a);**

**7.   ?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Báo lỗi dòng 6 Không đúng * B)   1234 abcd Đúng * C)   1234abcd Không đúng * D)   1234  abcd  Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: 1234 abcd

**Vì**: Đây là chuỗi định dạng kiểu tài liệu trong php. Tuy nhiên loại định dạng này, muốn xuống dòng thì phải có ký tự điểu khiển xuống dòng <br>. Nếu không có thì nó sẽ hiển thị thành chuỗi liên tục và nếu có chuỗi ở các dòng khác nhau trong cửa sổ viết code thì khi hiển thị là 1 dòng và có dấu cách giữa chúng. do vậy kết quả xuất ra “1234 abcd”.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP

Câu**3** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457036_SE401-03012.20120202_TNU&attempt_bt30=1111327&attempt=0)

Điểm : 1

**Kết quả đúng khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.   <?php**

**2.   $email = "topica@hitc.edu.vn";**

**3.   $st = str\_replace('hitc.edu.vn','yahoo.com',$email);**

**4.   echo $st;**

**5.   ?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   topica@hitc.edu.vn Không đúng * B)   yahoo.com Không đúng * C)   hitc.edu.vn Không đúng * D)   topica@ yahoo.com Đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: topica@ yahoo.com.

**Vì**: Hàm str\_replace($seach, $rep, $st): tìm kiếm và thay thế trong chuỗi st có chuỗi nào có nội dung như seach và thay thế chúng bằng nội dung của rep. Do vậy lệnh trong dòng 3 sẽ tìm kiếm chuỗi “hitc.edu.vn” trong email và thay thế bằng chuỗi yahoo.com

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**4** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457045_SE401-03086.20120202_TNU&attempt_bt30=1111327&attempt=0)

Điểm : 1

**Form khai báo sử dụng phương thức $\_GET như sau:**

**<form action="xin-chao.php" method="POST">**

**<input type="text" name="ten" />**

**<input type="submit" />**

**</form>**

**Trong xin-chao.php sử dụng $\_POST để nhận dữ liệu từ form đã submit:**

**<?php**

**print $\_POST["ten"];**

**?>**

**Khi người dùng nhập tên vietnam và kích vào nút “Submit Query” thì đường dẫn URL sẽ như thế nào?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   https://localhost/xin-chao.php?ten=vietnam Không đúng * B)   localhost/xin-chao.php?ten=vietnam Không đúng * C)   https://localhost/xin-chao.php?vietnam Không đúng * D)   https://localhost/xin-chao.php Đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: https://localhost/xin-chao.php.

**Vì**: $\_POST là một mảng kết hợp của các biến thông qua các giá trị được nhận được mà phương thức HTTP POST (gọi tắt là POST) gửi đi. Thông tin (giá trị và các biến) được gửi từ một form với phương thức POST sẽ không được nhìn thấy trong đường dẫn URL. Do vậy, khi tên “vietnam” nhập vào sẽ không được hiển thị trên đường dẫn URL.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 1, mục “ Giới thiệu cấu trúc HTML và thẻ HTML” và giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải\_1” , Phần 3, Biến và các phép xử lý trên biến”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**5** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457041_SE401-03049.20120202_TNU&attempt_bt30=1111327&attempt=0)

Điểm : 1

**Trong form, đối tượng nào sau đây chỉ có cho phép chọn một đối tượng một lúc?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Checkbox Không đúng * B)   Radio buttons Đúng * C)   Text fields Không đúng * D)   Textarea Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Radio buttons.

**Vì**: Radio button chỉ cho phép chọn một trong những button mà thôi.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**6** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457044_SE401-03084.20120202_TNU&attempt_bt30=1111327&attempt=0)

Điểm : 1

**Phát biểu nào sau đây về $\_GET là Sai?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Là một mảng kết hợp của các biến nhận được từ script hiện tại thông qua các tham số trong đường dẫn URL.Không đúng * B)   Được xây dựng để nhận dữ liệu từ form sử dụng phương thức GET. Không đúng * C)   Người dùng không thể nhìn thấy được thông tin được gửi từ form sử dụng phương thức GET trên thanh địa chỉ của trình duyệt và số lượng thông tin được gửi là có giới hạn.Đúng * D)   Từ PHP 4.1.0 thì $\_GET được giới thiệu để thay thế cho $HTTP\_GET\_VARS Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Người dùng không thể nhìn thấy được thông tin được gửi từ form sử dụng phương thức GET trên thanh địa chỉ của trình duyệt và số lượng thông tin được gửi là có giới hạn.

**Vì**: $\_GET là một mảng kết hợp của các biến nhận được từ script hiện tại thông qua các tham số trong đường dẫn URL. Được xây dựng để nhận dữ liệu từ form sử dụng phương thức GET.  
Người dùng có thể nhìn thấy được thông tin được gửi từ form sử dụng phương thức GET trên thanh địa chỉ của trình duyệt và số lượng thông tin được gửi là có giới hạn. Từ PHP 4.1.0 $\_GET được giới thiệu để thay thế cho $HTTP\_GET\_VARS.

**Tham khảo**: Giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải\_1” , Phần 3, Biến và các phép xử lý trên biến”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**7** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457040_SE401-03046.20120202_TNU&attempt_bt30=1111327&attempt=0)

Điểm : 1

**Trong php, để xử lý việc nhận gửi thông tin từ một form của người dùng nhập vào thì sử dụng phương thức nào sau đây?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   POST và GET Đúng * B)   include và require Không đúng * C)   cookie và session Không đúng * D)   GIVE và MAIL Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: POST và GET

**Vì**: Để xử lý việc nhận gửi thông tin từ một form của người dùng nhập vào là rất thường xuyên. Chúng ta thường sử dụng hai phương thức POST và GET.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**8** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457035_SE401-03011.20150202_TNU&attempt_bt30=1111327&attempt=0)

Điểm : 1

**Kết quả đúng khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.   <?php**

**2.   $email = "topica@hitc.edu.vn";**

**3.   $st = strpos($email,'@');**

**4.   echo $st;**

**5.   ?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   topica Không đúng * B)   @hitc.edu.vn Không đúng * C)   6 Đúng * D)   hitc Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: 6

**Vì**: Hàm strpos($st1,$st2): tìm vị trí chuỗi con $st2 trong chuỗi $st1. Do vậy, dòng 3 biến st sẽ có giá trị bằng 6.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**9** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457060_SE401-03009.20120202_TNU&attempt_bt30=1111327&attempt=0)

Điểm : 1

**Kết quả đúng khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.   <?php**

**2.   $st ="Who\'re you?";**

**3.   echo stripslashes($st);**

**4.   ?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Who\'re you? Không đúng * B)   Who're you Không đúng * C)   Whore you Không đúng * D)   Who're you? Đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Who're you?

**Vì**: Hàm stripslashes($st): loại bỏ các dấu ', ", /… trong cơ sở dữ liệu. Do vậy, nó sẽ bỏ đi ký hiệu “\” trong chuỗi “Who\'re you?”

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**10** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457063_SE401-03056.20120202_TNU&attempt_bt30=1111327&attempt=0)

Điểm : 1

**Kết quả đúng khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**6.   <?php**

**7.   $st = "1,2,3,4,5,6";**

**8.   $mang = array();**

**9.   $mang = explode(",",$st);**

**10. $n = count($mang);**

**11. for($i = 0; $i < $n-1; $i++ )**

**12. {**

**13. echo $mang[$i];**

**14. }**

**15. ?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   1,2,3,4,5,6 Không đúng * B)   123456 Không đúng * C)   12345 Đúng * D)   23456 Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: 12345

**Vì**: Dòng 14 là hàm explode($ch, $st) tách chuỗi $st thành nhiều phần tử và gán cho phần tử mảng, tách theo ký tự $ch. Do vậy lúc này trong mảng chứa các số 1 2 3 4 5 6 tương ứng vào các phần tử $mang[0] đến $mang[5]. Tiếp sau đó là vòng lặp for để in ra các phần tử mảng ;từ phần tử đầu tiên đến phần tử mảng có chỉ số bằng số phần tử mẳng trừ đi một. Do vậy đoạn chương trình in ra dòng 12345.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 7, mục “Dữ liệu mảng” và Chương 8, mục “Dữ liệu dạng chuỗi”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**11** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457080_SE401-04084.20120202_TNU&attempt_bt30=1111327&attempt=0)

Điểm : 1

**Trong thư mục gốc như sau: c://giang/thu/vidu.txt. Hãy cho biết kết quả khi cho chạy đoạn chương trình php sau đây?**

**1.   <?php**

**2.   $dir=opendir("c://giang/thu");**

**3.   while ($file=readdir($dir))**

**4.   {**

**5.   echo "$file\n";**

**6.   }**

**7.   closedir($dir);**

**8.   ?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Báo lỗi dòng 2 Không đúng * B)   Báo lỗi dòng 3 Không đúng * C)   “…vidu.txt” Đúng * D)   “c://giang/thu/vidu.txt” Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: “…vidu.txt”.

**Vì**: Lệnh dòng 2 là để mở thư mục ta sử dụng hàm opendir(). Kết quả trả về sẽ là nguồn(chứa các thư mục và tập tin) của thư mục nếu thư mục mở thành công, ngược lại trả về giá trị False.

Dòng 3 đến dòng 6 thực hiện duyệt thư mục bằng cách sử dụng vòng lặp kết hợp với hàm readdir().

Dòng 7 đóng thư mục lại.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**12** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457081_SE401-04088.20120202_TNU&attempt_bt30=1111327&attempt=0)

Điểm : 1

**Kết quả đúng khi cho chạy đoạn chương trình sau nếu có tập tin “vidu.txt”?**

**1.   <?php**

**2.   $f = "vidu.txt";**

**3.   if (!unlink($f))**

**4.   {**

**5.   echo "Khong xoa duoc tap tin $f";**

**6.   }**

**7.   else**

**8.   {**

**9.   echo "Da xoa tap tin $f";**

**10. }**

**11. ?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Da xoa tap tin $f” Không đúng * B)   Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Khong xoa duoc tạp tin $f” Không đúng * C)   Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Da xoa tap tin vidu.txt” Đúng * D)   Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Khong xoa duoc tap tin vidu.txt” Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Da xoa tap tin vidu.txt”.

**Vì**: Để xóa tập tin ta sử dụng hàm unlink(). Cú pháp: unlink(<tập tin>). Do vậy, nếu tập tin vidu.txt tồn tại thì nó sẽ bị xóa và điều kiện của khối lệnh if là true. Sau đó câu lệnh số 9 được thực hiện và xuất ra dòng “Da xoa tap tin vidu.txt”

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**13** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457073_SE401-04043.20120202_TNU&attempt_bt30=1111327&attempt=0)

Điểm : 1

**Giải thích ý nghĩa của lệnh sau?  
setcookie(‘text1’ , $\_POST[‘text1’], time() + 100);**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Lưu chuỗi có nội dung là text1 vào biến cookie có tên là text1. Không đúng * B)   Thiết lập giá trị cho text1 thời gian là 100. Không đúng * C)   Lưu nội dung của điều khiển HTML có tên là text1 vào biến cookie có tên là text1. Đúng * D)   Sai cú pháp.   Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Lưu nội dung của điều khiển HTML có tên là text1 vào biến cookie có tên là text1.

**Vì**: Lệnh setcookie() trong php dùng để khai báo một biến cookie. Hàm này đặt trên thẻ <html> với cú pháp

setcookie(name, value [,expire]);

Trong đó:

•        Name: tên biến cookie là tên đặt cho phiên làm việc

•        value : giá trị là thông số của tên cookie

•        expire: thời gian sống của cookie có đơn vị tính là giây. Nếu thời gian không được thiết lập thì biến cookie sẽ còn hiệu lực cho đến khi người dùng xóa tập tin cookie.

•        Kịch bản cookie phải đặt trên mọi giá trị trả về bao gồm thẻ HTML và lệnh echo.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và MySQL session, cookie”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**14** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457077_SE401-04055.20120202_TNU&attempt_bt30=1111327&attempt=0)

Điểm : 1

**Lệnh nào sau đây của php dùng để ghi nội dung vào tập tin?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   fgets Không đúng * B)   fgetc Không đúng * C)   fwrite Đúng * D)   fprint Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: fwrite

**Vì**: Để ghi nội dung vào tập tin ta sử dụng hàm fwrite().Cú pháp:

fwrite(<tập tin>, <nội dung [, <độ dài>]>);

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**15** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457076_SE401-04053.20120202_TNU&attempt_bt30=1111327&attempt=0)

Điểm : 1

**Lệnh nào sau đây của php dùng để kiểm tra kết thúc tập tin?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   eof Không đúng * B)   fof Không đúng * C)   feof Đúng * D)   foef Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: feof

**Vì**: Để kiểm tra trạng thái kết thúc tập tin hay chưa chúng ta sử dụng hàm feof($f). Trong đó $f là biến khai báo nhận giá trị trả về của hàm fopen(). Hàm trả về kết quả là TRUE nếu con trỏ ở cuối file.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Câu**17** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457079_SE401-04082.20120202_TNU&attempt_bt30=1111327&attempt=0)

Điểm : 1

**1.      <?php**

**2.      $f = 'vidu.txt';**

**3.      if(file\_exists($f))**

**4.      {**

**5.      echo "Tồn tại tập tin";**

**6.      }**

**7.      Else**

**8.      {  echo "Không tồn tại tập tin";**

**9.      }**

**10.    ?>**

**Kết quả khi cho chạy đoạn chương trình trên nếu không có file “vidu.txt”?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Báo lỗi dòng 2 Không đúng * B)   Báo lỗi dòng 3 Không đúng * C)   Tồn tại tập tin Không đúng * D)   Không tồn tại tập tin Đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Không tồn tại tập tin

**Vì**: Kiểm tra sự tồn tại của file ta sử dụng hàm: file\_exists() hoặc is\_file(). Do file “vidu.txt” không tồn tại nên nó sẽ cho kết quả trả về là false. Do vậy, kết quả xuất ra dòng chữ “Không tồn tại tập tin”.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**18** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457067_SE401-04001.20120202_TNU&attempt_bt30=1111327&attempt=0)

Điểm : 1

**Cookie được lưu ở đâu trên browser?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Bộ nhớ tạm Không đúng * B)   file Đúng * C)   Biến toàn cục Không đúng * D)   Biến cục bộ Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: file

**Vì**: Cookies được lưu trên file còn Session được lưu trên bộ nhớ tạm, vì vậy khi tắt trình duyệt thì session mất nhưng cookies thì vẫn còn.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và MySQL session, cookie”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**19** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457095_SE401-04002.20120202_TNU&attempt_bt30=1111327&attempt=0)

Điểm : 1

**Session được lưu ở đâu trên browser?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Bộ nhớ tạm Đúng * B)   file Không đúng * C)   Biến toàn cục Không đúng * D)   Biến cục bộ Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Bộ nhớ tạm.

**Vì**: Cookies được lưu trên file còn Session được lưu trên bộ nhớ tạm, vì vậy khi tắt trình duyệt thì session mất nhưng cookies thì vẫn còn.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và MySQL session, cookie”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**20** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457099_SE401-04087.20120202_TNU&attempt_bt30=1111327&attempt=0)

Điểm : 1

**Phát  biểu nào sau đây về website động là SAI?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Kiến trúc để website động làm việc được đó là nó phải hoạt động trên một client/server. Không đúng * B)   Một máy tính client truy cập vào website có nghĩa là nó đã truy cập vào server và lấy dữ liệu từ server và hiển thị trên máy tính của mìnhKhông đúng * C)   Cùng một lúc chỉ có thể có một client truy cập vào một website được xử lý tập trung trên server.Đúng * D)   Không cần sử dụng các chuyên gia thiết kế web để tạo nội dung cho website, giao diện của website chỉ cần thiết kế một lần duy nhất.Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Cùng một lúc chỉ có thể có một client truy cập vào một website được xử lý tập trung trên server

**Vì**: Với website động thì cùng một lúc có thể có nhiều client truy cập vào một website được xử lý tập trung trên server.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

### Câu 1:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471122_SE401-05006.20120202_HOU)

**Câu lệnh nào là đúng khi muốn kết nối đến cơ sở dữ liệu MySQL bằng PHP?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   connect\_mysql("localhost");**Sai**
*  B)   mysql\_open("localhost");**Sai**
*  C)   mysql\_connect("localhost");**Đúng**
*  D)   dbopen("localhost");**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: mysql\_connect"localhost")

**Vì**: Để PHP thực hiện kết nối đến cơ sở dữ liệu MySQL sử dụng hàm:

resource mysql\_connect(string host, string LoginName, string password)

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 11, mục “PHP và MySQL session, cookie”

### Câu 2:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471134_SE401-05056.20120202_HOU)

**Giả sử ta có một CSDL là test với một bảng test rất dài và cần phải phân trang để hiển thị hết số liệu trên trang web. Câu lệnh truy vấn để hiển thị từng trang là:  
select \* from test limit $s,$p;  
Trong đó $s là số thứ tự đầu tiên của trang thứ n, còn $p là số bản ghi hiển thị trong mỗi trang. Vậy số thứ tự bản ghi bắt đầu từ đâu?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   Từ bản ghi dưới cùng trở lên và mỗi trang có chỉ số bắt đầu là 0**Sai**
*  B)   Từ bản ghi trên cùng trở xuống và mỗi trang có chỉ số bắt đầu là 0**Đúng**
*  C)   Từ bản ghi trên cùng trở xuống và mỗi trang có chỉ số bắt đầu là 1**Sai**
*  D)   Từ bản ghi dưới cùng trở lên và mỗi trang có chỉ số bắt đầu là 1**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: Từ bản ghi trên cùng trở xuống và mỗi trang có chỉ số bắt đầu là 0.

**Vì**: Về việc phân trang trong PHP khi lượng dữ liệu trong bảng cơ sở dữ liệu yêu cầu hiển thị quá nhiều để hiển thị được trên một trang. Câu lệnh truy vấn để hiển thị từng trang là:  
select \* from Bang\_du\_ lieu limit $s,$p;  
Trong đó $s là số thứ tự đầu tiên của trang thứ n, còn $p là số bản ghi hiển thị trong mỗi trang. Trong đó, số thứ tự bản ghi bắt đầu từ 0 (chứ không phải là 1).

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 4, mục “Giới thiệu cơ sở dữ liệu  MySQL”  và Chương 13, mục “Tìm kiếm, phân trang, điều hướng kết quả tìm kiếm”

### Câu 4:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2470929_SE401-010834.20120202_HOU)

**Phát biểu nào sau đây về LAMP là SAI?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   Viết tắt của các từ tiếng anh sau: Linux, Apache, Mysql, PHP/Perl/Python**Sai**
*  B)   Là một hệ thống đáp ứng đầy đủ những tính năng khó nhất của ứng dụng web như: Database, Mail, SOAP.**Sai**
*  C)   Là một hệ thống hoàn toàn mở**Sai**
*  D)   Là một hệ thống không hoàn toàn miễn phí**Đúng**

**Sai. Đáp án đúng là**: Là một hệ thống không hoàn toàn miễn phí.

**Vì**: L.A.M.Plà một thuật ngữ được dùng khá phổ biến hiện nay, là một hệ thống đáp ứng đầy đủ những tính năng khó nhất của ứng dụng web như: Database, Mail, SOAP. L.A.M.P là cụm từ víêt tắt từ những từ: Linux, Apache, Mysql, PHP/Perl/Python.Nó là một hệ thống hoàn toàn mở và miễn phí.

**Tham khảo**: Giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải” , Phần 1, mục “Lập trình web động với PHP&MySQL”

### Câu 5:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2470923_SE401-01050.20120202_HOU)

**Ứng dụng PHP có thể gắn ở đâu?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   Chỉ gắn được ở phần Header**Sai**
*  B)   Chỉ gắn được ở phần Body**Sai**
*  C)   Chỗ nào cũng được trong văn bản (tệp) HTML**Đúng**
*  D)   Chỉ có thể gắn được ở phần cuối**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: Chỗ nào cũng được trong văn bản (tệp) HTML.

**Vì**: Ứng dụng PHP có thể đưa vào bất cứ phần nào trong văn bản HTML. Nó rất thích hợp với web và có thể dễ dàng nhúng vào trang HTML nhờ thẻ <?php và thẻ ?> sẽ đánh đấu sự bắt đầu và sự kết thúc của phần mã PHP qua đó máy chủ biết để xử lý và dịch mã cho đúng. Đây là một điểm khá tiện lợi của PHP giúp cho việc viết mã PHP trở nên khá trực quan và dễ dàng trong việc xây dựng phần giao diện ứng dụng HTTP.

**Tham khảo**: Giáo trình “Beginning PHP Apache MySQL Web Development”; “Chapter 1” mục “Configuring Your Installation”

### Câu 6:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471052_SE401-04053.20120202_HOU)

**Lệnh nào sau đây của php dùng để kiểm tra kết thúc tập tin?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   eof**Sai**
*  B)   fof**Sai**
*  C)   feof**Đúng**
*  D)   foef**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: feof

**Vì**: Để kiểm tra trạng thái kết thúc tập tin hay chưa chúng ta sử dụng hàm feof($f). Trong đó $f là biến khai báo nhận giá trị trả về của hàm fopen(). Hàm trả về kết quả là TRUE nếu con trỏ ở cuối file.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

### Câu 7:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471007_SE401-03088.20120202_HOU)

**Phát biểu nào sau đây về hàm do người dùng định nghĩa trong PHP là SAI?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   Tên hàm không phân biệt chữ hoa và chữ thường.**Sai**
*  B)   Phạm vi truy cập là siêu toàn cục.**Sai**
*  C)   Giá trị được truyền vào hàm theo dạng ByVal cần dùng ký tự “&”.**Đúng**
*  D)   Để tham số được truyền vào theo dạng ByRef cần dùng ký tự “&”.**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: Giá trị được truyền vào hàm theo dạng ByVal cần dùng ký tự “&”.

**Vì**: Tham số trong lời gọi hàm có thể có giá trị mặc định. Giá trị được truyền vào theo dạng ByVal, để tham số được truyền vào theo dạng ByRef cần dùng ký tự “&”.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 9, mục “Xây dựng hàm người dùng và sử dụng lại mã PHP”

### Câu 8:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2470949_SE401-02086.20120202_HOU)

**Cho biết kết quả khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.   <?php**

**2.   $a=6;**

**3.   echo"a=$a";**

**4.   $b=3;**

**5.   echo"b=$b";**

**6.   if ($a > $b){**

**7.   echo "a is bigger than b";**

**8.   $b = $a;**

**9.   }**

**10. echo"b=$b";**

**11. ?>**

Chọn một câu trả lời

*  A)   a=6b=3a is bigger than bb=6**Đúng**
*  B)   a=6b=3a is bigger than b**Sai**
*  C)   a=6b=3b=6**Sai**
*  D)   a=6b=3**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: a=6b=3a is bigger than bb=6

**Vì**: Dòng 2 biến a được gán giá tri là 6, dòng 4 biến b được gán giá trị là 3, hai dòng 3 và 5 xuất giá trị biến a và b ra trình duyệt nên nó sẽ có chuỗi ký tự “a=6b=3”. Tiếp theo dòng 6 kiểm tra xem biến a có lớn hơn b không, ở đây biến a lớn hơn biến b nên nó vào khối lệnh điều kiện if và thực hiện các lệnh trong khối này. Lệnh đầu tiên là ở dòng 7 in ra màn hình dòng “a is bigger than b”. Lệnh dòng 8 gán giá trị của a là 6 cho biến b, lúc này biến b có giá trị là 6 sau đó kết thúc khối lệnh và thực hiện lệnh  dòng 10 là xuất ra màn hình nội dung biến b = 6 rồi kết thúc đoạn chương trình.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

### Câu 9:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471038_SE401-03042.20120202_HOU)

**Trong một form có nhiều Radio Buttons bạn có thể chọn bao nhiêu entry qua biến $\_GET hay $\_POST?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   3**Sai**
*  B)   1**Đúng**
*  C)   2**Sai**
*  D)   Bất kỳ**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: 1

**Vì**: Với các radio button trên form thì nó chỉ được phép chọn một trong số các radio đó. Biến $\_GET và $\_POST sẽ lấy thông tin từ form gửi đến và đưa về server. Cho nên, trong trường hợp này chỉ có thể chọn một entry thôi.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

### Câu 10:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471009_SE401-03005.20120202_HOU)

**Kết quả khi cho chạy đoạn code sau?**

**1.   <?php**

**2.   $a = <<<tailieu**

**3.   1234**

**4.   abcd**

**5.   tailieu;**

**6.   echo ($a);**

**7.   ?>**

Chọn một câu trả lời

*  A)   Báo lỗi dòng 6**Sai**
*  B)   1234 abcd**Đúng**
*  C)   1234abcd**Sai**
*  D)

1234

abcd

**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: 1234 abcd

**Vì**: Đây là chuỗi định dạng kiểu tài liệu trong php. Tuy nhiên loại định dạng này, muốn xuống dòng thì phải có ký tự điểu khiển xuống dòng <br>. Nếu không có thì nó sẽ hiển thị thành chuỗi liên tục và nếu có chuỗi ở các dòng khác nhau trong cửa sổ viết code thì khi hiển thị là 1 dòng và có dấu cách giữa chúng. do vậy kết quả xuất ra “1234 abcd”.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP

### Câu 12:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471002_SE401-03051.20120202_HOU)

**Nút nào sau đây có thể dùng để kích hoạt gửi dữ liệu trên form về server?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   Submit**Đúng**
*  B)   Transaction**Sai**
*  C)   mail**Sai**
*  D)   send**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: submit

**Vì**: Button: Dùng để tạo ra các nút như submit, reset:

•     Button submit: khi ta nhấn vào nút này dữ liệu trên form sẽ gửi về server.

•     Button reset: khi nhấn vào nút này các đối tượng trên form sẽ reset.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

### Câu 13:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2470947_SE401-02081.20120202_HOU)

**Đoạn lệnh PHP sau đây thực hiện điều gì?**

**1.  <?php**

**2.  $a = array(5, 3, 7, 6, 8);**

**3.  foreach ($a as $key => $value)**

**4.  echo $key . “=> “ . $value . “; ";**

**5.  ?>**

Chọn một câu trả lời

*  A)   Hiển thị chuỗi “5 => 0; 3 => 1; 7 => 2; 6 => 3; 8 => 4;”**Sai**
*  B)   Hiển thị chuỗi “0 => 5; 1 => 3; 2 => 7; 3 => 6; 4 => 8;”**Đúng**
*  C)   Lỗi cú pháp, do trị của biến $value chưa được khởi tạo**Sai**
*  D)   Lỗi cú pháp, do PHP không chấp nhận toán tử => trong câu lệnh**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: Hiển thị chuỗi “0 => 5; 1 => 3; 2 => 7; 3 => 6; 4 => 8;”.

**Vì**: Dòng lệnh 2 khai báo mảng a có năm phần tử với các giá trị là: 5, 3,7,6,8.

Dòng lệnh 3 sử dụng vòng lặp foreach để lặp qua mảng a. Số lần lặp lại của vòng lặp foreach tương ứng với số phần tử có trong mảng là 5 phần tử. **Vì** trong vòng lặp chỉ có một lệnh xuất ra màn hình với khóa là chỉ số phần tử mảng sau đó là ký tự “=>” tiếp đến là giá trị của phần tử mảng và cuối  cùng là dấu “;”. Quá trình xuất ra màn hình liên tục từ phần tử có chỉ số 0 đến phần tử có chỉ số thứ 4 lần lượt là các chuỗi:

0 => 5;

1 => 3;

2 => 7;

3 => 6;

4 => 8;

Nhưng do sau các lệnh xuất từng chuỗi trên ra màn hình không có ký tự xuống dòng cho nên chúng được in ra cùng trên một dòng. Kết quả là xuất ra màn hình chuỗi “0 => 5; 1 => 3; 2 => 7; 3 => 6; 4 => 8;”

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

### Câu 14:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471020_SE401-03084.20120202_HOU)

**Phát biểu nào sau đây về $\_GET là Sai?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   Là một mảng kết hợp của các biến nhận được từ script hiện tại thông qua các tham số trong đường dẫn URL.**Sai**
*  B)   Được xây dựng để nhận dữ liệu từ form sử dụng phương thức GET.**Sai**
*  C)   Người dùng không thể nhìn thấy được thông tin được gửi từ form sử dụng phương thức GET trên thanh địa chỉ của trình duyệt và số lượng thông tin được gửi là có giới hạn.**Đúng**
*  D)   Từ PHP 4.1.0 thì $\_GET được giới thiệu để thay thế cho $HTTP\_GET\_VARS**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: Người dùng không thể nhìn thấy được thông tin được gửi từ form sử dụng phương thức GET trên thanh địa chỉ của trình duyệt và số lượng thông tin được gửi là có giới hạn.

**Vì**: $\_GET là một mảng kết hợp của các biến nhận được từ script hiện tại thông qua các tham số trong đường dẫn URL. Được xây dựng để nhận dữ liệu từ form sử dụng phương thức GET.  
Người dùng có thể nhìn thấy được thông tin được gửi từ form sử dụng phương thức GET trên thanh địa chỉ của trình duyệt và số lượng thông tin được gửi là có giới hạn. Từ PHP 4.1.0 $\_GET được giới thiệu để thay thế cho $HTTP\_GET\_VARS.

**Tham khảo**: Giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải\_1” , Phần 3, Biến và các phép xử lý trên biến”

### Câu 15:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471057_SE401-04088.20120202_HOU)

**Kết quả đúng khi cho chạy đoạn chương trình sau nếu có tập tin “vidu.txt”?**

**1.   <?php**

**2.   $f = "vidu.txt";**

**3.   if (!unlink($f))**

**4.   {**

**5.   echo "Khong xoa duoc tap tin $f";**

**6.   }**

**7.   else**

**8.   {**

**9.   echo "Da xoa tap tin $f";**

**10. }**

**11. ?>**

Chọn một câu trả lời

*  A)   Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Da xoa tap tin $f”**Sai**
*  B)   Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Khong xoa duoc tạp tin $f”**Sai**
*  C)   Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Da xoa tap tin vidu.txt”**Đúng**
*  D)   Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Khong xoa duoc tap tin vidu.txt”**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: Chạy bình thường và xuất ra dòng: “Da xoa tap tin vidu.txt”.

**Vì**: Để xóa tập tin ta sử dụng hàm unlink(). Cú pháp: unlink(<tập tin>). Do vậy, nếu tập tin vidu.txt tồn tại thì nó sẽ bị xóa và điều kiện của khối lệnh if là true. Sau đó câu lệnh số 9 được thực hiện và xuất ra dòng “Da xoa tap tin vidu.txt”

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 6, mục “Lưu trữ và truy vấn dữ liệu bằng PHP”

### Câu 16:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471040_SE401-03083.20120202_HOU)

**Để truyền dữ liệu như một biến trong PHP bạn cần phải làm gì?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   Cần mã hóa ( encrypt )**Sai**
*  B)   Cần nén (ziped)**Sai**
*  C)   Không cần làm gì thêm**Đúng**
*  D)   Cần nén rar**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: Không cần làm gì thêm

**Vì**: Không cần làm gì thêm vì biến $\_GET và $\_POST đã được dựng sẳn và có thể sử dụng ngay.

**Tham khảo**: Giáo trình “PHP&MySQL Tống Phước Khải\_1” , Phần 3, Biến và các phép xử lý trên biến”

### Câu 17:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2470916_SE401-01006.20120202_HOU)

**Toàn bộ cấu hình của apache được lưu dưới dạng nào sau đây?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   \*.txt**Đúng**
*  B)   \*.exe**Sai**
*  C)   \*.cs**Sai**
*  D)   \*.dll**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: \*.txt.

**Vì**: Toàn bộ cấu hình của Apache đều được lưu dưới dạng text.  File cấu hình chính là httpd.conf nằm trong thư mục {apache\_dir}\conf. Trong file này có thể chứa các khai báo include đến những file cấu hình khác.

**Tham khảo**: Giáo trình “Beginning PHP Apache MySQL Web Development”; “Chapter 1” mục “Configuring Your Installation”

### Câu 18:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471019_SE401-03055.20120202_HOU)

**Kết quả khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.  <?php**

**2.  $a = array("Nguyen","Van","Nam","Khanh");**

**3.  $b = implode(' ',$a);**

**4.  echo($b);**

**5.  ?>**

Chọn một câu trả lời

*  A)   array("Nguyen","Van","Nam","Khanh")**Sai**
*  B)

("Nguyen","Van","Nam","Khanh")

**Sai**

*  C)

Nguyen,Van,Nam,Khanh

**Sai**

*  D)

Nguyen Van Nam Khanh

**Đúng**

**Sai. Đáp án đúng là**: Nguyen Van Nam Khanh.

**Vì**: Hàm implode($ch, $mang): kết hợp các phần tử mảng thành chuỗi, các phần tử mảng cách nhau bởi $ch.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 7, mục “Dữ liệu mảng” và Chương 8, mục “Dữ liệu dạng chuỗi”

### Câu 19:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2470936_SE401-02010.20120202_HOU)

**Dấu biểu tượng nào được dùng để làm thành một biến?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   !**Sai**
*  B)   %**Sai**
*  C)   ?**Sai**
*  D)   $**Đúng**

**Sai. Đáp án đúng là**: $

**Vì**: Khai báo biến trong php:

-        Bắt đầu bằng dấu $ theo sau là tên biến .

-            Có thể được khai báo khi dùng.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

### Câu 21:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471084_SE401-04041.20120202_HOU)

**Hai browser cùng truy cập vào một website sẽ nhận được mấy cookie khác nhau?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   2**Đúng**
*  B)   3**Sai**
*  C)   4**Sai**
*  D)   5**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: 2

**Vì**: Cookies được tạo ra bởi website và gởi tới browser, do vậy 2 website khác nhau (cho dù cùng host trên 1 server) sẽ có 2 cookies khác nhau gởi tới browser. Ngoài ra, mỗi browser quản lý và lưu trữ cookies theo cách riêng của mình, cho nên 2 browser cùng truy cập vào 1 website sẽ nhận được 2 cookie khác nhau.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và MySQL session, cookie”

### Câu 22:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2470922_SE401-01045.20120202_HOU)

**Thực thi đọan code nào dưới đây để có thể biết PHP Environment đã được cài đặt đúng?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   phpinfo()**Đúng**
*  B)   phptatus()**Sai**
*  C)   phptest()**Sai**
*  D)   phpcheck()**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: phpinfo().

**Vì**: Sau khi PHP đã cài đặt xong thì cho chạy đoạn code phpinfo() để biết được nó đã được cài đặt đúng.

**Tham khảo**: Giáo trình “Beginning PHP Apache MySQL Web Development”; “Chapter 1” mục “Configuring Your Installation”

### Câu 23:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2470945_SE401-02053.20120202_HOU)

**Cho biết kết quả khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.   <?php**

**2.   $a = 3;**

**3.   $b = 4;**

**4.   $c = $a-$b;**

**5.   echo "Tong $a + $b =$c";**

**6.   ?>**

Chọn một câu trả lời

*  A)   Tong $a + $b =$c**Sai**
*  B)   Tong 3 + 4 = -1**Đúng**
*  C)   Tong 7**Sai**
*  D)   Tong 3 + 4 = 7**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: Tong 3+4 = -1.

**Vì**: Dòng 4 thực hiện phép trừ 3-4 = -1 và gán cho biến c. Dòng 5 in ra màn hình chuỗi ký tự “Tong” + nội dung biến a + dấu “+” + nội dung biến b + dấu “=” + nội dung biến c.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

### Câu 25:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471036_SE401-03009.20120202_HOU)

**Kết quả đúng khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.   <?php**

**2.   $st ="Who\'re you?";**

**3.   echo stripslashes($st);**

**4.   ?>**

Chọn một câu trả lời

*  A)   Who\'re you?**Sai**
*  B)   Who're you**Sai**
*  C)   Whore you**Sai**
*  D)   Who're you?**Đúng**

**Sai. Đáp án đúng là**: Who're you?

**Vì**: Hàm stripslashes($st): loại bỏ các dấu ', ", /… trong cơ sở dữ liệu. Do vậy, nó sẽ bỏ đi ký hiệu “\” trong chuỗi “Who\'re you?”

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

### Câu 26:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471072_SE401-04013.20120202_HOU)

**Để chèn nhiều hơn một file từ ngoài vào trong trang php thì dùng câu lệnh nào sau đây mà nó không thực hiện cho đến cuối chương trình và báo lỗi khi file đó có lỗi?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   include(“tên file”);**Sai**
*  B)   require(“tên file”);**Đúng**
*  C)   include\_once(“tên file”);**Sai**
*  D)   require\_once(“tên file”);**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: require(“tên file”);

**Vì**: include và require để chèn file từ ngoài vào dùng trong trang php nhưng Include: nếu file chèn vào có lỗi thì nó cảnh báo lỗi và tiếp tục thực hiện file cho tới cuối cùng.  
Require: nếu có lỗi thì nó báo lỗi và dùng tại đó, không thực hiện câu lệnh tiếp theo nữa.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 9, mục “Xây dựng hàm người dùng và sử dụng lại mã PHP”

### Câu 28:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2470942_SE401-02047.20120202_HOU)

**Đoạn mã lệnh PHP sau đây thực hiện điều gì:**

**1.   $a = array(5, 3, 7, 6, 8);**

**2.   asort($a);**

**3.   print\_r($a);**

Chọn một câu trả lời

*  A)   Hiển thị chuỗi “3 5 6 7 8”**Sai**
*  B)   Hiển thị chuỗi “8 7 6 5 3”**Sai**
*  C)   Hiển thị chuỗi “Array([0] => 3 [1] => 5 [2] => 6 [3] => 7 [4] => 8)”**Sai**
*  D)   Hiển thị chuỗi “Array([1] => 3 [0] => 5 [3] => 6 [2] => 7 [4] => 8)”

**Đúng**

**Sai. Đáp án đúng là**: Hiển thị chuỗi “Array([1] => 3 [0] => 5 [3] => 6 [2] => 7 [4] => 8)”.

**Vì**: Dòng 1 là khai báo và khởi tạo biến kiểu mảng. Dòng 3 in ra màn hình thông số của mảng

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

### Câu 30:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471125_SE401-05014.20120202_HOU)

**Trong các kiểu dữ liệu số nguyên của MySQL, kiểu dữ liệu nào có kích thước 1byte?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   Tinyint**Đúng**
*  B)   Smallint**Sai**
*  C)   Mediumint**Sai**
*  D)   Int**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: Tinyint

**Vì**: Các loại dữ liệu kiểu số nguyên của MySQL gồm:

Tinyint  1byte

Smallint 2byte

Mediumint 3byte

Int 4byte

Bigint 8byte

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 4, mục “Giới thiệu cơ sở dữ liệu MySQL”

### Câu 31:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471118_SE401-05043.20120202_HOU)

**Có hệ cơ sở dữ liệu MySQL chạy trên nền máy chủ localhost, người sử dụng có username là mysql\_user, mật khẩu là mysql\_password. Cơ sở dữ liệu có tên là CMXQ\_Forum, trong đó có một bảng là CMXQ\_Users để lưu thông tin về những thành viên. Câu lệnh nào sau đây để thực hiện xóa khỏi bảng CMXQ\_Users tất cả những người có User\_Name="CMXQ" ?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   mysql\_query("DELETE FROM CMXQ\_Users WHERE User\_Name='CMXQ'");**Đúng**
*  B)   mysql\_query("DELETE FROM CMXQ\_Users WHERE 'CMXQ'");**Sai**
*  C)   mysql\_query("DELETE FROM CMXQ\_Users ");**Sai**
*  D)   mysqlquery("DELETE FROM CMXQ\_Users WHERE User\_Name='CMXQ'");**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: mysql\_query("DELETE FROM CMXQ\_Users WHERE User\_Name='CMXQ'");

**Vì**: Cấu trúc câu lệnh PHP để xóa bản ghi khỏi bảng có điều kiện là:

mysql\_query("DELETE FROM  tên bảng WHERE điều kiện");

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và  MySQL session, cookie”

### Câu 33:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2470996_SE401-03010.20120202_HOU)

**Kết quả đúng khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.   <?php**

**2.   $email = "topica@hitc.edu.vn";**

**3.   $email1 = strstr($email,'@');**

**4.   echo $email1;**

**5.   ?>**

Chọn một câu trả lời

*  A)   topica@hitc.edu.vn**Sai**
*  B)   topica**Sai**
*  C)   @hitc.edu.vn**Đúng**
*  D)   hitc.edu.vn**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: @hitc.edu.vn

**Vì**: Hàm strstr($st1, $st2) và strchr($s1, $st2): tìm chuỗi st2 trong st1, nếu tồn tại hàm sẽ trả về chuỗi con trong $st1 bắt đầu $st2. Do vậy, dòng 3 biến email1 sẽ có giá trị là “@hitc.edu.vn”

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

### Câu 34:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471128_SE401-05046.20140922_HOU)

**Để connect với Apache Webserver ta dùng câu lệnh nào dưới đây?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   $connect=mysql\_connect("hostname", username","password");**Đúng**
*  B)   $connect=mysql\_connect("pasword", "uername","hostname");**Sai**
*  C)   $connect=mysql\_connect("hoastname", "pasword","uername");**Sai**
*  D)   $connect=mysqlconnect("hoastname", "pasword","uername");**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: $connect=mysql\_connect("hostname", "username","password");

**Vì**: Kết nối MySQL: Để tạo kết nối đến cơ sở dữ liệu sử dụng hàm:

resource mysql\_connect(string host, string LoginName, string password)

Chọn cơ sở dữ liệu: Sau khi kết nối thành công ta phải chọn cơ sở dữ liệu ta sử dụng hàm:

int mysql\_select\_db(string dbName, resource connection)

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và  MySQL session, cookie”

### Câu 35:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2470907_SE401-01002.20120202_HOU)

**Ai là người đầu tiên phát minh ra PHP?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   James Gosling**Sai**
*  B)   Tim Berners-Lee**Sai**
*  C)   Todd Fast**Sai**
*  D)   Rasmus Lerdorf**Đúng**

**Sai. Đáp án đúng là**: Rasmus Lerdorf.

**Vì**: PHP (Personal Home Page) do Rasmus Lerdorf phát minh ra, được công bố và phát triển từ năm 1994. Lúc đầu chỉ là một bộ đặc tả Perl. Được sử dụng để lưu dấu vết của người dùng trên các trang web. Sau đó, Rasmus Lerdorf đã phát triển PHP như là một máy đặc tả (Scripting engine).

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu PHP”

### Câu 37:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2470920_SE401-01041.20120202_HOU)

**Trình dịch PHP nào là trình dịch bạn cho là đúng?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   PHP Translator**Sai**
*  B)   PHP Interpreter**Đúng**
*  C)   PHP Communicator**Sai**
*  D)   PHP Run**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: PHP Interpreter.

**Vì**: PHP là ngôn ngữ thong dịch cho nên trình dịch của nó là PHP Interpreter.

**Tham khảo**: Giáo trình “Beginning PHP Apache MySQL Web Development”; “Chapter 1” mục “Configuring Your Installation”

### Câu 38:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471003_SE401-03052.20120202_HOU)

**Tham số của URL có một ký tự đặc biệt, để hoán chuyển nó bạn cần function nào để làm việc này?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   adressencode()**Sai**
*  B)   urlencode()**Đúng**
*  C)   mailencode()**Sai**
*  D)   urlcode()**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: urlencode()

**Vì**: Hàm urlencode() này có tác dụng mã hóa một chuỗi ký tự bất kỳ sang kiểu chuỗi mà có thể sử dụng ở url.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP”

### Câu 39:

[[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/2471123_SE401-05008.20120202_HOU)

**Trong các tên cột sau của bảng dữ liệu xây dựng bằng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL thì tên của cột nào không hợp lệ?**

Chọn một câu trả lời

*  A)   Ten sinh vien**Đúng**
*  B)   Tensinhvien**Sai**
*  C)   Ten\_sinh\_vien**Sai**
*  D)   TENSINHVIEN**Sai**

**Sai. Đáp án đúng là**: Ten sinh vien

**Vì**: Trong quy tắc đặt tên cho cơ sở dữ liệu MySQL thì không cho phép đặt tên có khoảng trắng. Do vậy, trong tên “Ten sinh vien” giữa chúng có hai khoảng trắng nên nó không hợp lệ.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 4, mục “Giới thiệu cơ sở dữ liệu MySQL”

**1** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457117_SE401-05007.20120202_TNU)

Điểm : 1

**Dạng bảng nào sau đây là dạng bảng mặc định của MySQL?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   ISAM Không đúng * B)   MyISAM Đúng * C)   Heap Không đúng * D)   BDB Không đúng |

**Sai. Đáp án đúng là**: MyISAM

**Vì**: MySQL hỗ trợ các dạng bảng sau:

•      ISAM: là dạng bảng cũ và ít được sử dụng

•      BDB.

•      Heap.

•      MyISAM: Mặc định là loại bảng MyISAM

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 4, mục “Giới thiệu cơ sở dữ liệu MySQL”

Không đúng

Điểm: 0/1.

Câu**2** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457120_SE401-05013.20120202_TNU)

Điểm : 1

**Tên của trường dữ liệu trong MySQL không được phép vượt quá bao nhiêu ký tự?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   6 Không đúng * B)   12 Không đúng * C)   24 Đúng * D)   26 Không đúng |

**Sai. Đáp án đúng là**: 24

**Vì**: Một trong các quy tắc đặt tên trong MySQL là số ký tự trong tên không được phép vượt quá 24 ký tự.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 4, mục “Giới thiệu cơ sở dữ liệu MySQL”

Không đúng

Điểm: 0/1.

Câu**3** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457126_SE401-05054.20120202_TNU)

Điểm : 1

**Bảng tbsinhvien lưu trong MySQL có 2 hàng và 3 cột như sau:**

**ID      Ten          Mota**

**1         Lan          Kha**

**2         Hue         TB**

**Kết quả nào khi cho chạy đoạn chương trình PHP sau đây?**

**1.   <%php**

**2.  //đoạn mã kết nối cơ sở dữ liệu ở đây….**

**3.   $sql = “select \* from tbsinhvien”;**

**4.   $result = mysql\_query($sql);**

**5.   $row = mysql\_num\_rows($result);**

**6.   echo “Số hàng:”.$row;**

**7.   echo “<br/>”;**

**8.   %>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Báo lỗi dòng 5 Không đúng * B)   Báo lỗi dòng 4 Không đúng * C)   Chạy bình thường và xuất ra dòng:   Số hàng: 2  Đúng   * D)   Chạy bình thường và xuất ra dòng:   Số hàng: 3  Không đúng |

**Sai. Đáp án đúng là**: Chạy bình thường và xuất ra dòng:

Số hàng: 2

**Vì**: Câu truy vấn ở dòng 3 thực hiện truy vấn tất cả dữ liệu có trong bảng tbsinhvien. Câu lệnh dòng 4 thực hiện câu truy vấn từ PHP. Câu lệnh dòng 5 thực hiện đếm số hàng dữ liệu của bảng. Bảng tbsinhvien có hai hàng cho nên ở dòng 6 sẽ xuất ra: “Số hàng: 2”.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và  MySQL session, cookie”

Không đúng

Điểm: 0/1.

Câu**4** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457121_SE401-05015.20120202_TNU)

Điểm : 1

**Kết quả đúng trên url khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.   ...**

**2.   <form action="registration\_action.php" method="POST">**

**3.   Username: <input type="text" name="name"/><br />**

**4.   ...**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   http://localhost/registration\_action.php Đúng * B)   http://localhost/registration\_action.php?name=roadnick&email=ibmquestions%40nicholaschase.com&pword=supersecretpasswordKhông đúng * C)   http://localhost/registration\_action.php?name=roadnick$email=ibmquestions%40nicholaschase.com&pword=supersecretpasswordKhông đúng * D)   http://localhost/registration\_action.php?name=roadnick#email=ibmquestions%40nicholaschase.com&pword=supersecretpasswordKhông đúng |

**Sai. Đáp án đúng là**: http://localhost/registration\_action.php.

**Vì**: Với mỗi phần tử biểu mẫu có một tên, bạn có một cặp giá trị-tên trong URL, được phân tách bằng các ký hiệu &khi sử dụng phương thức GET. Còn khi sử dụng phương thức POST thì nó chỉ hiển thị  trên url vừa đủ tên tệp của biểu mẫu được yêu cầu. do vây đáp án đúng là: http://localhost/registration\_action.php

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 21, mục “Cấu hình PHP, web server triển khai ứng dụng”

Không đúng

Điểm: 0/1.

Câu**5** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457123_SE401-05045.20120202_TNU)

Điểm : 1

**PDO trong PHP là gì?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   PDO (PHP Data Objects), là các đối tượng dữ liệu trong PHP cung cấp một cách thức đơn giản để truy cập vào các cơ sở dữ liệu khác nhau trong PHP.Đúng * B)   PDO (Periperal Data Object) là thư viện các đối tượng trong PHP cho phép kết nối phần cứng với các thiết bị ngoại vi.Không đúng * C)   PDO (Prepared Data Objects), là các đối tượng dữ liệu trong PHP cung cấp một cách thức đơn giản để so sánh các cơ sở dữ liệu khác nhau trong PHP.Không đúng * D)   PDO ( Performance Data Objects), là các đối tượng dữ liệu trong PHP cung cấp một cách thức đơn giản để định dạng các cơ sở dữ liệu khác nhau trong PHP.Không đúng |

**Sai. Đáp án đúng là**: PDO (PHP Data Objects), là các đối tượng dữ liệu trong PHP cung cấp một cách thức đơn giản để truy cập vào các cơ sở dữ liệu khác nhau trong PHP.

**Vì**: PDO là cụm từ viết tắt của PHP Data Objects, có nghĩa là Các đối tượng dữ liệu trong PHP. Đây là một thành phần mở rộng của PHP nhằm cung cấp một cách thức đơn giản đề truy cập vào các cơ sở dữ liệu khác nhau trong PHP.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP” và Chương 10, mục “Hướng đối tượng trong PHP”

Không đúng

Điểm: 0/1.

Câu**6** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457119_SE401-05012.20120202_TNU)

Điểm : 1

**Kích thước tối đa của dữ liệu kiểu “chart” trong MySQL là bao nhiều?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   1 đến 255 Byte Đúng * B)   1 đến 127 Byte Không đúng * C)   1 đến 65535 Byte Không đúng * D)   1 đến 16777215 Byte Không đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: 1 đến 255 Byte

**Vì**: Kiểu dữ liệu chart có kích thước là 1 – 255 Byte và biểu diễn chuỗi cố định.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 4, mục “Giới thiệu cơ sở dữ liệu MySQL”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**7** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457124_SE401-05049.20120202_TNU)

Điểm : 1

**Để tạo một DATA BASE có tên là “db\_name “ ta dùng câu lệnh truy vấn MySQL nào sau đây?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   $sql="CREATE DATABASE $db\_name"; mysql\_query($connect)or die ("DB IS NOT CREATED!"); Không đúng * B)   $sql="CREATE\_DATABASE $db\_name"; mysql\_query($sql)or die ("DB IS NOT CREATED!"); Không đúng * C)   $sql="CREATE DATABASE $db\_name";  mysql\_query($sql,$connect)or die ("DB IS NOT CREATED!"); Đúng * D)   mysql\_select\_db($db\_name,$connect) or die ("DB IS NOT SELECTED!”) Không đúng |

**Sai. Đáp án đúng là**: $sql="CREATE DATABASE $db\_name";   
mysql\_query($sql,$connect)or die ("DB IS NOT CREATED!");

**Vì**: Để tạo một DATABASE trong MySQL thì sử dụng cấu trúc như sau: mysql\_query($sql,$connect) với câu truy vấn sql là:

$sql="CREATE DATABASE $db\_name"

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 4, mục “Giới thiệu cơ sở dữ liệu  MySQL”

Không đúng

Điểm: 0/1.

Câu**8** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457122_SE401-05041.20120202_TNU)

Điểm : 1

**Kết quả khi cho chạy đoạn chương trình sau là gì?**

**1.   <?php**

**2.   $conn = mysql\_connect("localhost","root","");**

**3.   if (!$conn)**

**4.   {**

**5.   echo "Kết nối thất bại";**

**6.   exit();**

**7.   }**

**8.   else**

**9.   {**

**10. echo "Kết nối thành công";**

**11. exit();**

**12. }**

**13.**

**14. ?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Kết nối thất bại Không đúng * B)   Báo lối dòng 2 Không đúng * C)   Báo lỗi dòng 5 Không đúng * D)   Kết nối thành công Đúng |

**Sai. Đáp án đúng là**: Kết nối thành công

**Vì**: Đoạn chương trình thực hiện kết nối đến MySQL bằng PHP. Dòng 2 là lệnh kết nối đến cơ sở dữ liệu với server là localhost, username là root và pass rỗng. Kết nối hợp lệ nên cho kết quả điều kiện if ở dòng 3 là true cho nên lệnh ở dòng 10 được thực hiện. Kết  quả in ra dòng chữ: “Kết nối thành công”

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và  MySQL session, cookie”

Không đúng

Điểm: 0/1.

Câu**9** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457116_SE401-05005.20120202_TNU)

Điểm : 1

**Ký hiệu nào dùng để tách cặp "key/value" khi sử dụng phương thức GET trong PHP?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   ! Không đúng * B)   § Không đúng * C)   $ Không đúng * D)   & Đúng |

**Sai. Đáp án đúng là**: &

**Vì**: Lưu ý rằng đối với mỗi phần tử biểu mẫu có một tên, gồm có một cặp giá trị-tên trong URL, chúng được phân tách bằng các ký hiệu & khi sử dụng phương thức GET.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 1, mục “Giới thiệu cấu  trúc HTML và thẻ HTML”

Không đúng

Điểm: 0/1.

Câu**10** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457115_SE401-05001.20120202_TNU)

Điểm : 1

**Câu lệnh nào sau đây của PHP dùng để Chọn lựa cơ sở dữ liệu MySQL?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   mysql\_select\_db(“TestDB", $connection); Đúng * B)   mysql\_select(“TestDB", $connection); Không đúng * C)   select\_db(“TestDB", $connection); Không đúng * D)   mysqlselect\_db(“TestDB", $connection); Không đúng |

**Sai. Đáp án đúng là**: mysql\_select\_db(“TestDB", $connection);

**Vì**: Chọn cơ sở dữ liệu: Sau khi kết nối thành công, để chọn cơ sở dữ liệu ta sử dụng hàm:

int mysql\_select\_db(string dbName, resource connection)

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 11, mục “PHP và MySQL session, cookie”

**1** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457127_SE401-05081.20120202_TNU)

Điểm : 1

**Kết quả nào khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.  <?php2.  $server = "localhost";3.  $username= "root";4.  $password = ""; 5.  $connect = mysql\_connect($server, $username, $password);6.  if ( !$connect ) 7.  {8.  die("Can't connect to MySQL db"); 9.  } 10.   else echo"success!";11.   mysql\_close($connect);12.   ?>**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   Báo lỗi dòng 5 Không đúng * B)   Báo lỗi dòng 11 Không đúng * C)   Chạy bình thường và In ra màn hình dòng:   “Can't connect to MySQL db”  Không đúng   * D)   Chạy bình thường và In ra màn hình dòng: “success!” Đúng |

**Đúng. Đáp án đúng là**: Chạy bình thường và In ra màn hình dòng:

“success!”

**Vì**:Các dòng 2, 3, 4 là các khai báo cho máy chủ, dòng 5 thực hiện kết nối từ PHP đến MySQL, kết nối MySQL, để tạo kết nối đến cơ sở dữ liệu sử dụng hàm:

resource mysql\_connect(string host, string LoginName, string password);

Câu lệnh trên thực hiện đúng nên điều kiện connect là true. Tuy nhiên, ở dòng 6, điều kiện là “!$connect” cho nên vế thứ hai của câu lệnh if được thực thi. Bởi vậy, dòng 10 sẽ được thực hiện. Kết quả là in ra màn hình dòng: “success!”

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và  MySQL session, cookie”

Đúng

Điểm: 1/1.

Câu**2** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457120_SE401-05013.20120202_TNU)

Điểm : 1

**Tên của trường dữ liệu trong MySQL không được phép vượt quá bao nhiêu ký tự?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   6 Không đúng * B)   12 Không đúng * C)   24 Đúng * D)   26 Không đúng |

**Sai. Đáp án đúng là**: 24

**Vì**: Một trong các quy tắc đặt tên trong MySQL là số ký tự trong tên không được phép vượt quá 24 ký tự.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 4, mục “Giới thiệu cơ sở dữ liệu MySQL”

Không đúng

Điểm: 0/1.

Câu**3** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457116_SE401-05005.20120202_TNU)

Điểm : 1

**Ký hiệu nào dùng để tách cặp "key/value" khi sử dụng phương thức GET trong PHP?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   ! Không đúng * B)   § Không đúng * C)   $ Không đúng * D)   & Đúng |

**Sai. Đáp án đúng là**: &

**Vì**: Lưu ý rằng đối với mỗi phần tử biểu mẫu có một tên, gồm có một cặp giá trị-tên trong URL, chúng được phân tách bằng các ký hiệu & khi sử dụng phương thức GET.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 1, mục “Giới thiệu cấu  trúc HTML và thẻ HTML”

Câu**5** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457123_SE401-05045.20120202_TNU)

Điểm : 1

**PDO trong PHP là gì?**

|  |  |
| --- | --- |
| Chọn một câu trả lời | * A)   PDO (PHP Data Objects), là các đối tượng dữ liệu trong PHP cung cấp một cách thức đơn giản để truy cập vào các cơ sở dữ liệu khác nhau trong PHP.Đúng * B)   PDO (Periperal Data Object) là thư viện các đối tượng trong PHP cho phép kết nối phần cứng với các thiết bị ngoại vi.Không đúng * C)   PDO (Prepared Data Objects), là các đối tượng dữ liệu trong PHP cung cấp một cách thức đơn giản để so sánh các cơ sở dữ liệu khác nhau trong PHP.Không đúng * D)   PDO ( Performance Data Objects), là các đối tượng dữ liệu trong PHP cung cấp một cách thức đơn giản để định dạng các cơ sở dữ liệu khác nhau trong PHP.Không đúng |

**Sai. Đáp án đúng là**: PDO (PHP Data Objects), là các đối tượng dữ liệu trong PHP cung cấp một cách thức đơn giản để truy cập vào các cơ sở dữ liệu khác nhau trong PHP.

**Vì**: PDO là cụm từ viết tắt của PHP Data Objects, có nghĩa là Các đối tượng dữ liệu trong PHP. Đây là một thành phần mở rộng của PHP nhằm cung cấp một cách thức đơn giản đề truy cập vào các cơ sở dữ liệu khác nhau trong PHP.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 5, mục “Giới thiệu lập trình PHP” và Chương 10, mục “Hướng đối tượng trong PHP”

Câu**6** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457126_SE401-05054.20120202_TNU)

**Bảng tbsinhvien lưu trong MySQL có 2 hàng và 3 cột như sau:**

**ID      Ten          Mota**

**1         Lan          Kha**

**2         Hue         TB**

**Kết quả nào khi cho chạy đoạn chương trình PHP sau đây?**

**1.   <%php**

**2.  //đoạn mã kết nối cơ sở dữ liệu ở đây….**

**3.   $sql = “select \* from tbsinhvien”;**

**4.   $result = mysql\_query($sql);**

**5.   $row = mysql\_num\_rows($result);**

**6.   echo “Số hàng:”.$row;**

**7.   echo “<br/>”;**

**8.   %>**

|  |
| --- |
| * A)   Báo lỗi dòng 5 Không đúng * B)   Báo lỗi dòng 4 Không đúng * C)   Chạy bình thường và xuất ra dòng:   Số hàng: 2  Đúng   * D)   Chạy bình thường và xuất ra dòng:   Số hàng: 3  Không đúng |

**Sai. Đáp án đúng là**: Chạy bình thường và xuất ra dòng:

Số hàng: 2

**Vì**: Câu truy vấn ở dòng 3 thực hiện truy vấn tất cả dữ liệu có trong bảng tbsinhvien. Câu lệnh dòng 4 thực hiện câu truy vấn từ PHP. Câu lệnh dòng 5 thực hiện đếm số hàng dữ liệu của bảng. Bảng tbsinhvien có hai hàng cho nên ở dòng 6 sẽ xuất ra: “Số hàng: 2”.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và  MySQL session, cookie”

Câu**7** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457122_SE401-05041.20120202_TNU)

**Kết quả khi cho chạy đoạn chương trình sau là gì?**

**1.   <?php**

**2.   $conn = mysql\_connect("localhost","root","");**

**3.   if (!$conn)**

**4.   {**

**5.   echo "Kết nối thất bại";**

**6.   exit();**

**7.   }**

**8.   else**

**9.   {**

**10. echo "Kết nối thành công";**

**11. exit();**

**12. }**

**13.**

**14. ?>**

|  |
| --- |
| * A)   Kết nối thất bại Không đúng * B)   Báo lối dòng 2 Không đúng * C)   Báo lỗi dòng 5 Không đúng * D)   Kết nối thành công Đúng |

**Sai. Đáp án đúng là**: Kết nối thành công

**Vì**: Đoạn chương trình thực hiện kết nối đến MySQL bằng PHP. Dòng 2 là lệnh kết nối đến cơ sở dữ liệu với server là localhost, username là root và pass rỗng. Kết nối hợp lệ nên cho kết quả điều kiện if ở dòng 3 là true cho nên lệnh ở dòng 10 được thực hiện. Kết  quả in ra dòng chữ: “Kết nối thành công”

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và  MySQL session, cookie”

Câu**8** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457121_SE401-05015.20120202_TNU)

**Kết quả đúng trên url khi cho chạy đoạn chương trình sau?**

**1.   ...**

**2.   <form action="registration\_action.php" method="POST">**

**3.   Username: <input type="text" name="name"/><br />**

**4.   ...**

|  |
| --- |
| * A)   http://localhost/registration\_action.php Đúng * B)   http://localhost/registration\_action.php?name=roadnick&email=ibmquestions%40nicholaschase.com&pword=supersecretpasswordKhông đúng * C)   http://localhost/registration\_action.php?name=roadnick$email=ibmquestions%40nicholaschase.com&pword=supersecretpasswordKhông đúng * D)   http://localhost/registration\_action.php?name=roadnick#email=ibmquestions%40nicholaschase.com&pword=supersecretpasswordKhông đúng |

**Sai. Đáp án đúng là**: http://localhost/registration\_action.php.

**Vì**: Với mỗi phần tử biểu mẫu có một tên, bạn có một cặp giá trị-tên trong URL, được phân tách bằng các ký hiệu &khi sử dụng phương thức GET. Còn khi sử dụng phương thức POST thì nó chỉ hiển thị  trên url vừa đủ tên tệp của biểu mẫu được yêu cầu. do vây đáp án đúng là: http://localhost/registration\_action.php

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL” , Chương 21, mục “Cấu hình PHP, web server triển khai ứng dụng”

Câu**9** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457124_SE401-05049.20120202_TNU)

**Để tạo một DATA BASE có tên là “db\_name “ ta dùng câu lệnh truy vấn MySQL nào sau đây?**

|  |
| --- |
| * A)   $sql="CREATE DATABASE $db\_name"; mysql\_query($connect)or die ("DB IS NOT CREATED!"); Không đúng * B)   $sql="CREATE\_DATABASE $db\_name"; mysql\_query($sql)or die ("DB IS NOT CREATED!"); Không đúng * C)   $sql="CREATE DATABASE $db\_name";  mysql\_query($sql,$connect)or die ("DB IS NOT CREATED!"); Đúng * D)   mysql\_select\_db($db\_name,$connect) or die ("DB IS NOT SELECTED!”) Không đúng |

**Sai. Đáp án đúng là**: $sql="CREATE DATABASE $db\_name";   
mysql\_query($sql,$connect)or die ("DB IS NOT CREATED!");

**Vì**: Để tạo một DATABASE trong MySQL thì sử dụng cấu trúc như sau: mysql\_query($sql,$connect) với câu truy vấn sql là:

$sql="CREATE DATABASE $db\_name"

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 4, mục “Giới thiệu cơ sở dữ liệu  MySQL”

Câu**10** [[Góp ý]](http://ccms3.topica.vn/coursecomment/create/question/1457125_SE401-05053.20120202_TNU)

**Bảng tbsinhvien lưu trong MySQL có 2 hàng và 2 cột như sau:**

**Ten                   Mota**

**Lan                   Kha**

**Hue                  TB**

**Kết quả nào đúng khi cho chạy đoạn chương trình PHP sau đây?**

**1.   <%php**

**2.   //đoạn mã kết nối cơ sở dữ liệu ở đây….**

**3.   $sql = “select \* from tbsinhvien”;**

**4.   $result = mysql\_query($sql);**

**5.   While ($row = mysql\_query\_fetch\_array($result))**

**6.   {**

**7.   echo “Cột tên :” .$row[“Name”];**

**8.   echo “<br/>”;**

**9.   echo “Cột mô tả :” .$row[1];**

**10. echo “<br/>”;**

**11. }**

**12. %>**

|  |
| --- |
| * A)   Báo lỗi dòng 9 Không đúng * B)   Báo lỗi dòng 5 Không đúng * C)   Báo lỗi dòng 3 Không đúng * D)   Chạy bình thường và kết quả in ra màn hình là:   Cột tên : Lan    Hue  Cột mô tả: Kha TB  Đúng |

**Sai. Đáp án đúng là**: Chạy bình thường và kết quả in ra màn hình là:

Cột tên : Lan Hue

Cột mô tả: Kha TB

**Vì**: Cú pháp để PHP lấy dữ liệu từ bảng đưa vào mảng, Hàm với kết quả trả về một mảng có chỉ số là tên trường trong bảng, giá trị của mảng là giá trị các trường trong bảng:  
mysql\_fetch\_array();

Lệnh 7 và 9 xuất ra màn hình dữ liệu trong mảng.

**Tham khảo**: Giáo trình “Xây dựng ứng dụng web bằng PHP&MySQL”, Chương 11, mục “PHP và  MySQL session, cookie”